



## Mục lục

### SỰ KIỆN

#### 3 TTXVN:

Phát biểu nhậm chức của Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Tô Lâm

### NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

#### 6 TẠ NGỌC TẤN:

Đồng chí Nguyễn Phú Trọng với quá trình bổ sung, phát triển mô hình chủ nghĩa xã hội Việt Nam

**21 PHẠM VĂN LINH:**

**Phát triển văn hóa đồng bộ, hài hòa với tăng trưởng kinh tế và tiến bộ, công bằng xã hội-một định hướng căn bản của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam**

---

**37 NGUYỄN VIẾT CHỨC:**

**Văn hóa Thủ đô Hà Nội, 50 năm thống nhất và đổi mới**

---

**49 NGUYỄN BÁ DƯƠNG:**

**Phát huy giá trị văn hóa "Bộ đội Cụ Hồ" trong xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam tinh, gọn, mạnh, tiến lên hiện đại**

---

**62 LÊ MINH NGHĨA:**

**Phát triển tài chính xanh từ góc nhìn của tài chính cá nhân**

---



SỰ KIỆN

# PHÁT BIỂU NHẬM CHỨC CỦA TỔNG BÍ THƯ BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG TÔ LÂM

Sáng 3/8/2024, tại Thủ đô Hà Nội, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII đã họp để giới thiệu nhân sự và bầu đồng chí Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII. Đồng chí Phạm Minh Chính, Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ thay mặt Bộ Chính trị điều hành Hội nghị.

Tại Hội nghị, căn cứ các quy định của Đảng, trên cơ sở định hướng giới thiệu nhân sự của Bộ Chính trị, Trung ương đã nêu cao tinh thần trách nhiệm, tập trung trí tuệ, thảo luận dân chủ, suy tôn, thống nhất rất cao với số phiếu tuyệt đối 100% bầu đồng chí Tô Lâm, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam giữ chức Tổng

Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa XIII.

Tòa soạn trân trọng giới thiệu toàn văn Phát biểu nhậm chức của Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng:

“Thưa các đồng chí chủ trì Hội nghị!

Thưa các đồng chí Trung ương!

Thưa các đồng chí tham dự Hội nghị!

Trước hết, Tôi xin chân thành cảm ơn Bộ Chính trị đã tin tưởng giới thiệu, các đồng chí Trung ương đã tin nhiệm bầu, giao cho Tôi trọng trách Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa XIII. Đây là vinh dự lớn, đồng thời cũng là trách nhiệm vinh



*Đồng chí Tô Lâm, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam \_ Ảnh: VGP*

quang trước Đảng, trước Nhân dân, trước lịch sử hào hùng nghìn năm văn hiến của dân tộc và sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong thời đại mới.

Tôi xin hứa trước Trung ương, trước toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta, sẽ không ngừng nỗ lực phấn đấu, cùng các đồng chí Trung ương kế thừa, phát huy mạnh mẽ truyền thống vẻ vang, kinh nghiệm quý báu của Đảng ta và những thành quả mà các kỳ Đại hội, trong đó có Đại hội lần thứ XIII đã đạt được; phát huy

cao nhất tinh thần “tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc”; không ngừng tăng cường đoàn kết thống nhất trong Đảng, đại đoàn kết toàn dân tộc; tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng, phòng chống tham nhũng, tiêu cực; gắn kết tư tưởng và hành động, ý đảng và lòng dân; tận tâm, tận lực, tận hiến, phấn đấu hy sinh vì Đảng Cộng sản Việt Nam vững mạnh; vì nước Việt Nam giàu mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; Nhân dân Việt Nam có cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Tập trung

chỉ đạo tổ chức tốt việc hoàn thành các công việc để tổ chức thành công Đại hội XIV của Đảng, chuẩn bị tốt dự thảo các văn kiện Đại hội, định hướng và chuẩn bị tốt công tác nhân sự các cấp, tổng kết 40 năm đổi mới đất nước, kế thừa những thành tựu lý luận quan trọng về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đã được các thế hệ lãnh đạo của Đảng, trong đó có đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đúc kết, đề ra đường lối đúng đắn, đưa đất nước tiếp tục phát triển toàn diện trong thời gian tới.

Tôi tin tưởng chắc chắn rằng, Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa XIII sẽ là những tập thể vững mạnh, hạt nhân quy tụ sức mạnh, lãnh đạo toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta thực hiện thắng lợi chủ trương, đường lối của Đảng, trước hết là Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tạo nền tảng vững chắc hoàn thành mục tiêu của đất nước 100 năm dưới sự lãnh đạo của Đảng, 100 năm nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa, nay là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đến giữa thế kỷ

XXI, nước ta trở thành nước phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Những quyết sách vừa qua trong Đảng chắc chắn sẽ tăng cường sức mạnh của Đảng, củng cố đoàn kết, thống nhất, niềm tin của nhân dân với Đảng.

Tôi mong tiếp tục nhận được sự phối hợp chặt chẽ của các đồng chí Trung ương để tôi hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Chặng đường phía trước còn nhiều khó khăn, thử thách, nhưng với sự đoàn kết, nhất trí, phát huy trí tuệ, bản lĩnh và những quyết sách mạnh mẽ, đúng đắn, sáng suốt của Đảng, chúng ta tin tưởng chắc chắn rằng đất nước ta sẽ ngày càng phát triển phồn vinh, nhân dân ta ngày càng ấm no, hạnh phúc, dân tộc ta ngày càng cường thịnh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Một lần nữa, tôi xin cảm ơn chân thành và sâu sắc về việc Trung ương và toàn Đảng đã tin cậy giao cho tôi trọng trách vinh quang.

Chúc toàn thể các đồng chí sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Xin trân trọng cảm ơn!" ■

TTXVN



NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

# ĐỒNG CHÍ NGUYỄN PHÚ TRỌNG

## VỚI QUÁ TRÌNH BỔ SUNG, PHÁT TRIỂN MÔ HÌNH CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VIỆT NAM

● GS, TS TẠ NGỌC TÂN

*Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương*

### 1. Nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, bổ sung, phát triển mô hình CNXH Việt Nam trong Cương lĩnh 2011

Có thể nói, mô hình CNXH Việt Nam thời kỳ *Đổi mới* đã được Đảng ta đặt nền móng từ Đại hội VI của Đảng năm 1986 và được hình thành một cách cơ bản trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, năm 1991 (gọi tắt là *Cương lĩnh 1991*).

Cương lĩnh 1991 không chỉ vạch ra một chiến lược dài hạn cho công cuộc *Đổi mới*, xây dựng, phát triển đất nước, mà còn có ý nghĩa khẳng định sự đúng đắn của đường lối *đổi mới* được vạch ra tại Đại hội VI của Đảng

và thể hiện quyết tâm của toàn Đảng, toàn dân ta thực hiện thắng lợi đường lối đó. Nền móng, cốt lõi của mô hình CNXH Việt Nam được Cương lĩnh 1991 xác lập chính là mục tiêu chung hướng đến *dân giàu nước mạnh theo con đường XHCN* với 6 đặc trưng của xã hội XHCN mà nhân dân ta xây dựng là: (1) Do nhân dân lao động làm chủ; (2) Có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu; (3) Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; (4) Con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống

ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân; (5) Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ; (6) Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới.

Cùng với mục tiêu chung và những đặc trưng cơ bản kể trên, mô hình CNXH Việt Nam theo Cương lĩnh 1991 cũng bao gồm 7 phương hướng cơ bản, thể hiện con đường, cách thức để đạt được yêu cầu phát triển 7 lĩnh vực chủ yếu hướng tới hiện thực hóa mục tiêu chung và các đặc trưng của chế độ xã hội, bao gồm: (1) *Nhà nước XHCN của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.* (2) *Phát triển lực lượng sản xuất, công nghiệp hóa đất nước theo hướng hiện đại.* (3) *Thiết lập từng bước quan hệ sản xuất XHCN với sự đa dạng về hình thức sở hữu.* (4) *Tiến hành cách mạng XHCN trên lĩnh vực tư tưởng và văn hóa.* (5) *Thực hiện chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc, chính sách đối ngoại hòa bình, hợp tác và hữu nghị với tất cả các nước.* (6) *Thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc XHCN.* (7) *Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.*

Tuy nhiên, mô hình CNXH Việt Nam đặt ra trong Cương lĩnh 1991 được xây dựng trên cơ sở thực tiễn và nhận thức lý luận của Đảng ta vào thời điểm khi mà chúng ta vừa mới trải qua nhiệm kỳ đại hội đầu tiên của quá trình đổi mới, tình hình thế giới vô cùng phức tạp sau khi Liên Xô tan rã, nhiều vấn đề lý luận về CNXH và con đường đi lên CNXH trong điều kiện đặc thù của nước ta chưa được nhận thức đầy đủ, rõ ràng. Mặt khác, trong quá trình tổ chức thực hiện đường lối Đổi mới của Đảng, bối cảnh thế giới và trong nước có nhiều thay đổi rất nhanh chóng và rất phức tạp.

Thực tế triển khai thực hiện các nhiệm vụ xây dựng, phát triển đất nước, nhất là việc giải quyết nhiều vấn đề mới nảy sinh, mang lại cho chúng ta những bài học kinh nghiệm mới, giúp cho Đảng ta nhận thức ngày càng rõ hơn nội dung, yêu cầu, các giải pháp cần thiết để xây dựng đất nước theo con đường XHCN. Cũng trong quá trình đó, có những nội dung, vấn đề nêu ra trong Cương lĩnh 1991 về mô hình CNXH của nước ta hoặc là chưa đầy đủ, toàn diện, hoặc là không còn phù hợp với điều kiện thực tế,

hoặc là đã bị thực tế vượt qua. Việc tiếp tục bổ sung, hoàn thiện nhận thức về mô hình CNXH của nước ta trở thành một yêu cầu khách quan, một đòi hỏi thực tiễn có ý nghĩa quan trọng đối với công cuộc xây dựng, phát triển đất nước.

Trên cơ sở những nguyên lý của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và kết quả của nghiên cứu, tổng kết thực tiễn Đảng lãnh đạo công cuộc đổi mới xây dựng, phát triển đất nước, mô hình CNXH Việt Nam được nhận thức rõ hơn, được bổ sung, hoàn thiện một bước quan trọng trong Cương lĩnh 2011, trong đó, xã hội XHCN mà nhân dân ta xây dựng với 8 đặc trưng: (1) Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; (2) Do nhân dân làm chủ; (3) Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp; (4) Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; (5) Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; (6) Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; (7) Có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ

nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; và (8) Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới.

Từ 6 đặc trưng đặt ra trong Cương lĩnh 1991 đến 8 đặc trưng được xác định trong Cương lĩnh 2011, là một bước tiến xa, quan trọng trong nhận thức lý luận của Đảng, là kết quả to lớn trong phát triển sáng tạo lý luận về CNXH Việt Nam. Trước hết, đó là sự bổ sung hai đặc trưng, bao gồm đặc trưng thể hiện mục tiêu tổng quát, tính chất ưu việt của chế độ là “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, và đặc trưng xác định tính chất Nhà nước vừa thể hiện tính quy luật chung của sự phát triển nhà nước trong tiến trình lịch sử của nhân loại, vừa mang tính đặc thù của Việt Nam - “Có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo”.

Đồng thời, nội dung của một số đặc trưng được cập nhật, bổ sung, phát triển, thậm chí có những thay đổi để làm rõ hơn tính chất của thời kỳ quá độ lên CNXH với điều kiện riêng có của Việt Nam. Đó là trường hợp đặc



trung thứ ba, đặc trưng về kinh tế. Trước Đại hội XI của Đảng, trong quá trình chuẩn bị cho việc bổ sung, phát triển Cương lĩnh 1991, có một bộ phận không nhỏ trong Đảng muốn giữ lại yêu cầu “chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu”, coi đó là một yếu tố không thể thiếu để phân biệt CNXH với CNTB. Vấn đề này đã được thảo luận trong các tổ chức đảng, thảo luận ở Ban Chấp hành Trung ương Đảng và cuối cùng được đưa ra lấy ý kiến tại Đại hội. Đại hội XI của Đảng đã thảo luận và thông qua biểu quyết để thống nhất nội dung đặc trưng kinh tế là: “có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và *quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp*”.

Có thể nói, đặc trưng kinh tế theo cách tiếp cận mới phản ánh nhận định trong “Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 20 năm đổi mới (1986-2006)” của Trung ương Đảng, trong đó chỉ ra rằng, đổi mới tư duy kinh tế của Đảng đã được thể hiện qua 6 bước chuyển: Từ tư duy kinh tế hiện vật sang tư duy kinh tế hàng hóa, thị trường; từ tư duy bao cấp sang tư duy chủ động, sáng tạo; từ tư duy khép kín sang tư duy kinh tế mở, hội nhập quốc

tế; từ tư duy đơn sở hữu sang tư duy đa sở hữu, đa thành phần; từ không thừa nhận đến thừa nhận đa dạng hóa hình thức phân phối, kể cả phân phối theo vốn, tài sản; từ tư duy “Nhà nước độc quyền” sang tư duy đa dạng hóa chủ thể kinh tế<sup>1</sup>.

Như vậy, việc xác định đặc trưng kinh tế có “*quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp*” là hợp lý, phù hợp với thực tế. Bởi vì, 6 bước chuyển nêu trên đã được xác lập trên thực tế, nền kinh tế thị trường đa thành phần, đa sở hữu đã trở thành trạng thái hiện thực, do đó, tiếp tục duy trì tính chất nền kinh tế với “chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu” cũng có nghĩa là sự bảo thủ, tạo ra một nút thắt cổ chấp làm hạn chế sự phát triển nền kinh tế của đất nước.

Nói cách khác, việc xác định đặc trưng kinh tế theo cách tiếp cận mới thực sự có ý nghĩa cách mạng trong nhận thức về kinh tế của Đảng ta.

Với việc khẳng định tính chất quan hệ sản xuất *tiến bộ phù hợp*, chúng ta không chỉ công nhận đa sở hữu trong kinh tế, mà cũng đồng thời mở ra phương hướng, điều kiện để phát triển đầy đủ một *nền kinh tế thị trường định*

*hướng XHCN hội nhập quốc tế sâu rộng, toàn diện.* Đó là: “nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế. Các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật đều là bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế, bình đẳng trước pháp luật cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh”<sup>2</sup>.

Đồng thời với các nội dung về *đặc trưng*, Cương lĩnh 2011 cũng bổ sung, phát triển, làm rõ thêm 8 phương hướng xây dựng, phát triển đất nước, nhất là xác định rõ phương hướng về kinh tế là “*phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*”, và phương hướng xây dựng nhà nước là “*Nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân*”.

Để thực hiện 8 phương hướng trên, lần đầu tiên, Cương lĩnh 2011 của Đảng đã chỉ ra và xác định *các mối quan hệ lớn* phải chú trọng nắm vững và giải quyết trong quá trình thực hiện các phương hướng xây dựng và phát triển đất nước. Đó là các mối quan hệ giữa: đổi mới, ổn định và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa kinh tế thị trường và định

hướng xã hội chủ nghĩa; giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ;...

Từ sau Đại XI đến Đại hội XIII, Đảng ta bổ sung hai mối quan hệ: giữa Nhà nước, thị trường và xã hội; giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội.

*Mô hình CNXH Việt Nam* được xác định trong Cương lĩnh 2011 là kết quả phát triển sáng tạo về lý luận có tính đột phá của Đảng Cộng sản Việt Nam. Tính chất đột phá của mô hình CNXH Việt Nam thể hiện ở chỗ, trên cơ sở kiên định Chủ nghĩa Mác - Lê nin, mà cốt lõi vấn đề là sự kiên định mục tiêu CNXH; kiên định tư tưởng Hồ Chí Minh mà cốt lõi là gương cao ngọn cờ tư tưởng độc lập dân tộc gắn liền với CNXH, nhận thức lý luận của Đảng đã tạo ra những bước chuyển biến to lớn, trong đó các bước chuyển chủ yếu là:

Từ Nhà nước chuyên chính vô sản sang *Nhà nước pháp quyền XHCN của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân*.

Từ nền kinh tế kế hoạch hóa dựa trên sở hữu nhà nước và tập thể sang *nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, đa sở hữu, đa thành phần, hội nhập quốc tế sâu rộng*.

Từ hệ thống chính sách văn hóa, xã hội chủ yếu tập trung cho việc giải quyết các vấn đề trong các mối quan hệ xã hội sang hệ thống chính sách văn hóa, xã hội *vì sự phát triển toàn diện của con người* ca về đời sống vật chất với tinh thần, kinh tế với văn hóa, cả con người xã hội với con người cá nhân, cải thiện không ngừng đời sống Nhân dân gắn với bảo đảm sự bền vững của môi trường.

Từ nền quốc phòng, an ninh dựa trên thế trận nhân dân kết hợp với các mối quan hệ liên minh, lựa chọn chủ thể đối tác sang *nền quốc phòng, an ninh* dựa trên thế trận quốc phòng toàn dân kết hợp với thế trận an ninh nhân dân, có sự *phân biệt đối tác với đối tượng với phương châm 4 không* - không tham gia liên minh quân sự, không liên kết với nước này để chống

nước kia, không cho nước ngoài đặt căn cứ quân sự hoặc sử dụng lãnh thổ để chống lại nước khác, không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế.

Từ *nền ngoại giao “đóng kín” theo hệ tư tưởng* sang *nền ngoại giao đa phương rộng mở, hội nhập quốc tế sâu rộng, sẵn sàng làm bạn, làm đối tác tin cậy, có trách nhiệm với tất cả các nước trên thế giới*.

Sự định hình ngày càng rõ mô hình chủ nghĩa xã hội Việt Nam là kết quả của sự thấm nhuần một quan điểm rất quan trọng của V.I.Lênin về lý luận mà Bác Hồ đã trích làm đề từ trên trang đầu sách Đường cách mệnh: “Không có lý luận cách mệnh thì không có cách mệnh vận động... Chỉ có theo lý luận cách mệnh tiên phong, đảng cách mệnh mới làm nổi trách nhiệm cách mệnh tiên phong”. Cần phải nói rằng, mô hình CNXH Việt Nam chính là những nhận thức lý luận mới của Đảng ta được hình thành và rút ra từ quá trình nghiên cứu, tổng kết thực tiễn, cũng như quá trình thảo luận dân chủ trong Đảng, trong đó có vai trò rất to lớn của đồng chí Nguyễn Phú Trọng.

Xét theo logic lịch sử, lý luận về mô hình CNXH Việt Nam xác định trong Cương lĩnh 2011 được đúc kết trên cơ sở toàn bộ quá trình nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn đổi mới từ năm 1986 đến trước Đại hội Đảng lần thứ XI, năm 2011. Tuy nhiên, trong toàn bộ quá trình ấy, hai cuộc tổng kết: “Tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 20 năm đổi mới (1986-2006)”, và “Tổng kết 20 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH (1991-2011)”, có ý nghĩa quan trọng hàng đầu. Bởi vì, kết quả của hai cuộc tổng kết này đã cung cấp những cơ sở khoa học, thực tiễn, trực tiếp phục vụ cho việc bổ sung, phát triển Cương lĩnh 2011.

Với tư cách là Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương nhiệm kỳ thứ hai từ 2001 đến 2006, người thay mặt Bộ Chính trị phụ trách công tác lý luận của Đảng trong giai đoạn đến năm 2011, đồng chí Nguyễn Phú Trọng có vai trò to lớn trong việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, cũng như đóng góp trực tiếp vào quá trình bổ sung, phát triển Cương lĩnh 2011 nói chung và mô hình CNXH Việt Nam nói riêng.

Trong cuộc “Tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 20 năm đổi mới (1986-2006)”, đồng chí Nguyễn Phú Trọng là Phó Trưởng ban chỉ đạo duy nhất, giúp Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh trực tiếp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo. Ở cuộc “Tổng kết 20 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH (1991-2011)”, đồng chí được phân công là Phó Trưởng tiểu ban thường trực của Tiểu ban Tổng kết bổ sung và phát triển Cương lĩnh năm 1991 và chuẩn bị Báo cáo Chính trị trình Đại hội XI của Đảng. Dưới sự chỉ đạo chung của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh, đồng chí Nguyễn Phú Trọng là người trực tiếp tổ chức nghiên cứu, khảo sát thực tế, chịu trách nhiệm tổ chức việc tập hợp, chọn lọc các ý kiến, đề xuất các nội dung, biên tập bản thảo của báo cáo của hai cuộc tổng kết. Nhiều nội dung mới bổ sung, phát triển Cương lĩnh 2011 nói chung và mô hình CNXH Việt Nam nói riêng được rút ra từ kết quả của hai cuộc tổng kết nói trên.

Với những trách nhiệm ấy, vai trò và đóng góp của đồng chí vào quá trình nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn

là rất to lớn. Vai trò đó, đóng góp đó không chỉ ở công tác chỉ đạo trực tiếp, thường xuyên, mà còn chính là sự định hướng, gợi mở các vấn đề, tổng kết để đưa ra kết luận trong các cuộc thảo luận. Đặc biệt là vai trò, đóng góp của đồng chí trong xây dựng, hoàn thiện các bản báo cáo tổng hợp, nguồn tài liệu trực tiếp phục vụ cho việc bổ sung, phát triển Cương lĩnh 2011.

## **2. Chủ trì tiếp tục phát triển, hoàn thiện và khẳng định mô hình CNXH Việt Nam từ 2011 đến nay**

Từ Đại hội lần thứ XI của Đảng đến nay, đồng chí Nguyễn Phú Trọng là Tổng Bí thư của Đảng, người chủ trì trong việc phát triển, hoàn thiện hệ thống lý luận về đường lối đổi mới của Đảng, trong đó có việc phát triển, hoàn thiện và khẳng định mô hình CNXH Việt Nam.

Trước hết, cùng với việc khẳng định “Đi lên CNXH là khát vọng của nhân dân ta, là sự lựa chọn đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, phù hợp với xu thế phát triển của lịch sử”, đồng chí Nguyễn Phú Trọng tiếp tục làm sâu sắc hơn nhận thức của Đảng ta về CNXH và thời kỳ quá độ lên CNXH. Trong bài

nói tại Trường đảng cao cấp Nicô Lôpét Cu Ba ngày 9/4/2012, đồng chí nhấn mạnh: “quá độ lên CNXH là một sự nghiệp lâu dài, vô cùng khó khăn và phức tạp, vì nó phải tạo ra sự biến đổi sâu sắc về chất trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội”. Và quá độ lên CNXH đối với Việt Nam càng khó khăn, phức tạp hơn, bởi vì nước ta đi lên CNXH “từ một nước nông nghiệp lạc hậu, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, lực lượng sản xuất rất thấp, lại trải qua mấy chục năm chiến tranh, hậu quả rất nặng nề...”<sup>3</sup>.

Từ nhận thức chung về thời kỳ quá độ lên CNXH của Việt Nam, đồng chí Tổng Bí thư nhấn mạnh và làm rõ thêm bản chất và cơ sở khoa học, cơ sở thực tiễn của một số vấn đề mới được xác định trong các đặc trưng của chế độ xã hội XHCN và phương hướng xây dựng, phát triển đất nước theo con đường XHCN.

Vấn đề đầu tiên được đồng chí nhắc đến, nhấn mạnh nhiều nhất, sâu sắc nhất, chính là Nhân dân. Nội dung về Nhân dân được đặt ra và lý giải trên tất cả các chiều cạnh, từ vai trò và vị trí Nhân dân đối với chế độ, Đảng, Nhà nước và xã hội; từ sức mạnh của

Nhân dân với vai trò là động lực, nguồn lực quan trọng nhất của phát triển; đến hạnh phúc của Nhân dân với ý nghĩa là mục đích tối thượng của phát triển; các chủ trương, giải pháp để tập hợp lực lượng, xây dựng khối đại đoàn kết, phát huy sức mạnh to lớn của Nhân dân.

Không chỉ khẳng định vai trò, vị trí của Nhân dân như những nguyên tắc được xác định trong các đặc trưng, phương hướng phát triển của chế độ, của đất nước, đồng chí còn phân tích cụ thể, lý giải sinh động những yêu cầu về mối quan hệ gắn bó máu thịt giữa Đảng với Nhân dân; về trách nhiệm của cả hệ thống chính trị đối với Nhân dân; về tác phong công tác, về thái độ ứng xử của cán bộ đảng viên đối với Nhân dân. Trong bài phát biểu bế mạc Hội nghị Trung ương 6 khóa XII, đồng chí nói: “Cần khẳng định, ta làm hợp lòng dân thì dân tin và chế độ ta còn, Đảng ta còn. Ngược lại, nếu làm cái gì trái lòng dân, để mất niềm tin là mất tất cả”.

Đây không chỉ là cách biểu đạt một vấn đề có tính quy luật của lịch sử, không chỉ là khẳng định quyết liệt, sâu sắc một quan điểm, chủ trương đặc

biệt quan trọng của Đảng, Nhà nước và chế độ, đây còn là thể hiện một sự nhận thức sâu sắc về Nhân dân, một tấm lòng thương yêu hết mực vì Nhân dân, một tinh thần “luôn lấy việc phục vụ Nhân dân làm lẽ sống và mục tiêu phấn đấu”.

Trong câu nói của đồng chí Tổng Bí thư, ta gặp câu nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Ý dân là ý trời. Làm đúng ý nguyện của dân thì ắt thành. Làm trái ý nguyện của dân thì ắt bại”<sup>4</sup>. Phải chăng đó chính là một biểu hiện sinh động về sự trung thành, kế tục và phát triển sang tạo tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung và tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhân dân nói riêng. Những ý kiến của Tổng Bí thư về vấn đề nhân dân càng cho thấy ý nghĩa sâu sắc và quan trọng của những thành tố “Nhân dân” với ý nghĩa khẳng định tính chất nền tảng quyết định trong các đặc trưng của chế độ xã hội XHCN mà Nhân dân ta xây dựng.

Gắn liền với vấn đề Nhân dân là vấn đề văn hóa. Đồng chí Nguyễn Phú Trọng khẳng định: “Nhận thức của Đảng về văn hóa ngày càng toàn diện, đầy đủ và sâu sắc hơn. Đảng ta xác định: **Văn hóa là nền tảng tinh thần**



**của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là sức mạnh nội sinh, động lực quan trọng để phát triển đất nước;** xác định phát triển văn hóa đồng bộ, hài hòa với tăng trưởng kinh tế và tiến bộ, công bằng xã hội là một định hướng căn bản của quá trình xây dựng CNXH ở Việt Nam, thể hiện tính ưu việt của chế độ ta.

Nói sâu sắc, ngắn gọn như Bác Hồ là: “Văn hóa phải soi đường cho quốc dân đi”<sup>5</sup>. Nhấn mạnh ý nghĩa, vai trò to lớn của văn hóa, ngay trong mở đầu bài phát biểu tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc ngày 24/11/2021, đồng chí Nguyễn Phú

Trọng thêm một lần nữa khẳng định: “Văn hóa là hồn cốt của Dân tộc, nói lên bản sắc của Dân tộc. Văn hóa còn thì Dân tộc còn...”

Luận giải về nền văn hóa mà nhân dân ta xây dựng là nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc,

đồng chí Tổng Bí thư xác định rõ nội dung của nền văn hóa đó là, *thứ nhất*, một nền văn hóa thống nhất trong đa dạng, dựa trên các giá trị tiến bộ, nhân văn; *thứ hai*, chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần xã hội; *thứ ba*, kế thừa và phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của tất cả các dân tộc trong nước; *thứ tư*, tiếp thu những thành tựu, tinh hoa văn hóa nhân loại; và *thứ năm*, mục tiêu là, xây dựng một xã hội văn minh, lành mạnh vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người, với trình độ tri thức, đạo đức, thể lực, lối sống và thẩm mỹ ngày càng cao<sup>6</sup>.

Bàn về các **đặc trưng của CNXH**, trong các tác phẩm của mình, tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đề cập, phân tích và làm rõ từng đặc trưng từ góc độ lý luận cũng như thực tiễn. Tuy nhiên, đồng chí dành sự quan tâm phân tích, lý giải làm rõ hơn đối với những vấn đề mới, có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát

**Đảng ta xác định: Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là sức mạnh nội sinh, động lực quan trọng để phát triển đất nước; xác định phát triển văn hóa đồng bộ, hài hòa với tăng trưởng kinh tế và tiến bộ, công bằng xã hội là một định hướng căn bản của quá trình xây dựng CNXH ở Việt Nam, thể hiện tính ưu việt của chế độ ta.**

triển của đất nước, của con người, những vấn đề còn có những ý kiến khác nhau, nhất là còn có những ý kiến chống đối từ các thế lực ngoài nước, trong đó có vấn đề phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN Việt Nam. Đồng chí đã phân tích, chứng minh, chỉ rõ bản chất và cơ sở khoa học, cơ sở thực tế để khẳng định về sự tồn tại không thể bác bỏ của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN Việt Nam.

Theo đồng chí, đó là “một kiểu kinh tế thị trường mới trong lịch sử phát triển của kinh tế thị trường; một kiểu tổ chức kinh tế vừa tuân theo những quy luật của kinh tế thị trường vừa dựa trên cơ sở và được dẫn dắt, chi phối bởi các nguyên tắc và bản chất của chủ nghĩa xã hội, thể hiện trên cả ba mặt: Sở hữu, tổ chức quản lý và phân phối. Đây không phải là nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa và cũng chưa phải là nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa đầy đủ (vì nước ta còn đang trong thời kỳ quá độ)<sup>7</sup>.”

Nói đến nền kinh tế thị trường riêng có của Việt Nam, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng luôn chỉ rõ và nhấn mạnh một thuộc tính quan

trọng của nền kinh tế đó là *định hướng xã hội chủ nghĩa*:

Đó là “*phải gắn kinh tế với xã hội, thống nhất chính sách kinh tế với chính sách xã hội, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước, từng chính sách và trong suốt quá trình phát triển*”.

Đó là “*mỗi chính sách kinh tế đều phải hướng tới mục tiêu phát triển xã hội; mỗi chính sách xã hội phải nhằm tạo ra động lực thúc đẩy phát triển kinh tế; khuyến khích làm giàu hợp pháp phải đi đôi với xoá đói, giảm nghèo bền vững, chăm sóc những người có công, những người có hoàn cảnh khó khăn*”<sup>8</sup>.

Theo đồng chí, đây chính là một nguyên tắc để bảo đảm sự phát triển bền vững của đất nước, là nội dung của định hướng XHCN của nền kinh tế thị trường đặc thù của Việt Nam. Bảo đảm nguyên tắc đó cũng chính là bảo đảm cho tính ưu việt của chế độ xã hội mà nhân dân ta đang xây dựng. Trên cơ sở phân tích, làm rõ tính chất, nội dung, đặc điểm của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN Việt Nam, đồng chí khẳng định đây là



“*một đột phá lý luận rất cơ bản và sáng tạo của Đảng ta*”, là thành quả phát triển lý luận từ thực tiễn công cuộc đổi mới, “*xuất phát từ thực tiễn Việt Nam và tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm của thế giới*”<sup>9</sup>.

Cùng với việc làm rõ nội dung, tính chất, cơ sở khoa học và thực tiễn của các đặc trưng, phương hướng và cách thức cơ bản để phát triển của mô hình CNXH Việt Nam, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã phân tích, khái quát và khẳng định **giá trị cốt lõi của mô hình CNXH Việt Nam**.

Những giá trị cốt lõi này được tổng kết và nêu lên từ bài nói tại Trường đảng Nicô Lôpét Cu Ba năm 2012 và tiếp tục được nhấn mạnh, làm rõ hơn trong bài viết “*Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*” công bố năm 2021.

5 giá trị đó là: *Thứ nhất*, mục đích tối thượng của phát triển trong xã hội

XHCN Việt Nam là vì con người, vì hạnh phúc của nhân dân; *thứ hai*, trong xã hội XHCN Việt Nam, phát triển kinh tế đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội; *thứ ba*, xã hội XHCN

Việt Nam là xã hội nhân ái, đoàn kết, tương trợ lẫn nhau, hướng tới các giá trị tiến bộ, nhân văn; *thứ tư*, xã hội XHCN Việt Nam là xã hội phát triển bền vững, hài hòa với thiên nhiên để bảo đảm môi trường sống trong lành cho các thế hệ hiện tại và tương lai; và *thứ năm*, toàn bộ quyền lực chính trị trong XHCN Việt Nam thuộc về Nhân dân, do Nhân dân và

*phục vụ lợi ích của Nhân dân*<sup>10</sup>.

5 giá trị cốt lõi trên chính là sự biểu hiện tập trung nhất của tính ưu việt, của mục đích nhân văn cao cả của xã hội XHCN mà Nhân dân ta xây dựng dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đồng thời, đó cũng chính là những khát vọng ngàn đời của con người nói chung, cũng như của Nhân dân ta, dân tộc ta nói riêng.

Một vấn đề có tính nguyên tắc được đồng chí Nguyễn Phú Trọng luôn luôn quan tâm đặc biệt, quán triệt sâu sắc trong các bài viết, bài phát biểu quan trọng của mình, đó là vấn đề xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Theo đồng chí: “Chúng ta đặc biệt chú trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, coi đây là nhiệm vụ then chốt, có ý nghĩa sống còn đối với Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa” bởi vì “sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản là nhân tố quyết định thắng lợi của công cuộc đổi mới và bảo đảm cho đất nước phát triển theo đúng định hướng xã hội chủ nghĩa”<sup>11</sup>.

Nói về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đồng chí luôn nhấn mạnh mục đích phấn đấu của Đảng là vì lợi ích dân tộc, vì hạnh phúc của nhân dân. Để đạt được mục đích ấy, Đảng kiên trì lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động cách mạng, trong đó cốt lõi của tư tưởng Hồ Chí Minh là độc lập dân tộc gắn liền với CNXH.

Nhấn mạnh quan điểm nhất quán, coi công tác xây dựng Đảng là nhiệm vụ *then chốt*, đồng chí Nguyễn Phú

Trọng coi đó như là một logic tất yếu, một vấn đề do các yếu tố khách quan xã hội quy định, bởi vì Đảng Cộng sản lãnh đạo xã hội, lãnh đạo Nhà nước và sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định mọi thành công của cách mạng. Trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, **công tác tổ chức, cán bộ được đồng chí xác định “là “then chốt” của nhiệm vụ “then chốt”**, có liên quan đến sự sống còn của Đảng, vận mệnh của chế độ, sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước<sup>12</sup>.

Công tác tổ chức, cán bộ là một nhiệm vụ đặc biệt quan trọng, có ý nghĩa sống còn đối với Đảng, với chế độ, song lại là một công việc xây dựng con người, là công tác con người, vô cùng phức tạp, tinh tế. Vì thế, đồng chí yêu cầu không thể nóng vội, làm một lần là xong, mà ngược lại, phải làm rất kiên trì, bền bỉ, làm thường xuyên, liên tục, làm đi làm lại nhiều lần như đánh răng, rửa mặt, quét nhà, rửa bát hàng ngày như Bác Hồ đã dạy.

Để làm tốt công tác tổ chức, cán bộ phải làm tốt công tác giáo dục, bồi dưỡng, rèn luyện thử thách, kiểm tra thường xuyên, đánh giá lựa chọn chặt

chế để bố trí, sắp xếp cán bộ đúng người, đúng việc; đồng thời phải kịp thời phát hiện, ngăn chặn đẩy lùi những hạn chế, yếu kém, kiên quyết đưa ra khỏi tổ chức đảng nhất là ra khỏi những vị trí lãnh đạo, quản lý, những cán bộ, đảng viên thoái hóa, biến chất, tham ô, tham nhũng, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, để làm cho Đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh.

Nhưng để giải quyết tận gốc rễ những hạn chế, yếu kém trong Đảng, thì phải tìm ra được nguyên nhân của nó, mà theo đồng chí: “Đó chính là do nguyên nhân chủ quan, do lỗi của chúng ta; do sự yếu kém, thiếu kiên quyết trong công tác giáo dục, lãnh đạo, quản lý; do sự thiếu rèn luyện, tu dưỡng, thực hành liên chính của một số cán bộ, đảng viên; sự thiếu gương mẫu của một số cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp. Suy đến cùng là do không vượt qua được chủ nghĩa cá nhân”<sup>13</sup>. Cũng như muốn trị bệnh cứu người thì phải tìm ra được bệnh là gì, trong công tác tổ chức, cán bộ, chỉ có tìm được nguyên nhân của hạn chế, yếu kém mới đưa ra được những nội dung giải pháp để sửa chữa, khắc phục.

Nhìn lại quãng thời gian từ sau Đại hội lần thứ XI của Đảng đến nay, với trách nhiệm là Tổng Bí thư, với tư cách là một nhà lý luận, đồng chí Nguyễn Phú Trọng đã lãnh đạo, chỉ đạo công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn của Đảng và trực tiếp thể hiện quan điểm của mình trong nhiều tác phẩm quan trọng, nhằm bổ sung, hoàn thiện và định hình ngày càng rõ hơn mô hình CNXH Việt Nam. Đó là quá trình khẳng định, làm rõ hơn *mục tiêu, các đặc trưng* của xã hội XHCN mà nhân dân ta đang xây dựng, cùng *các phương hướng chủ yếu* nhằm hiện thực hóa mục tiêu và những đặc trưng đó.

Trong bài viết nhân dịp công bố tác phẩm “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam” của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, đồng chí Walter Sorrentino, Phó Chủ tịch Đảng Cộng sản Brazil có nhận định: “Những tổng kết bài bản của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã thấp sáng niềm tin, làm phong phú thêm kho tàng lý luận và thực tiễn của những người cộng sản và tiến bộ trên toàn thế giới”.

Nhận định của người đại diện Đảng Cộng sản Brazil còn cho chúng ta thấy một vai trò khác, một ý nghĩa mới về hoạt động lý luận của đồng chí Nguyễn Phú Trọng. Nói cách khác, với trách nhiệm Tổng Bí thư của Đảng, đồng thời là nhà lý luận của Đảng ta, đồng chí không chỉ có vai trò quan trọng trong quá trình bổ sung, phát triển, định hình *mô hình chủ nghĩa xã hội Việt Nam*, mà hơn

thế nữa, đồng chí còn góp phần phát triển sáng tạo, làm phong phú hơn kho tàng lý luận và thực tiễn về CNXH của nhân loại, truyền bá lý luận về mô hình CNXH Việt Nam và những thành tựu to lớn, đẩy sức thuyết phục trong quá trình hiện thực hóa mô hình đó ở Việt Nam, góp phần cổ vũ, thắp sáng niềm tin của phong trào cộng sản và công nhân trên thế giới ■

<sup>1</sup> Xem: ĐCSVN: Ban Chấp hành Trung ương, Ban Chỉ đạo tổng kết Lý luận: *Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 20 năm đổi mới (1986-2006)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.142-143.

<sup>2, 5, 6, 7, 9, 10, 11, 12</sup> Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr.26, 164, 164-165, 26, 25, 21-22, 29, 260.

<sup>3</sup> Nguyễn Phú Trọng: *Chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội - nhìn từ thực tiễn Việt Nam*, báo Nhân dân, ngày 12/4/2012.

<sup>4</sup> Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.10, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.63.

<sup>8</sup> Xem: Nguyễn Phú Trọng: “*Tự hào và tin tưởng dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, quyết tâm xây dựng một nước Việt Nam ngày càng giàu mạnh, văn minh, văn hiến và anh hùng*”, báo Nhân dân, ngày 31/01/2024.

<sup>13</sup> Nguyễn Phú Trọng: *Bài phát biểu tại Hội nghị cán bộ toàn quốc quán triệt, triển khai thực hiện nghị quyết T.Ư 4 khóa XI: “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”*, Hà Nội, ngày 27-2-2012, báo Nhân dân ngày 28-2-2012.

# PHÁT TRIỂN VĂN HÓA ĐỒNG BỘ, HÀI HÒA VỚI TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VÀ TIẾN BỘ, CÔNG BẰNG XÃ HỘI - MỘT ĐỊNH HƯỚNG CĂN BẢN CỦA QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

*Bài viết là kết quả của Đề tài KX 04-03/21-25*

● PGS, TS PHẠM VĂN LINH

*Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương*

## 1. Chủ trương nhất quán của Đảng Cộng sản Việt Nam về sự gắn kết giữa tăng trưởng kinh tế đồng bộ, hài hòa với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội

Ngay từ những ngày đầu đất nước mới giành được độc lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh: “Trong cuộc kiến thiết nước nhà, có bốn vấn đề cần chú ý, cũng phải coi là quan trọng ngang nhau: Chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa”<sup>1</sup>, tư tưởng này xuất phát từ mục tiêu xây dựng chế độ xã hội mới hướng tới người dân, đem lại ấm no, tự do, hạnh phúc cho người dân.

Muốn vậy, mong muốn của Chủ tịch Hồ Chí Minh là làm sao Việt Nam phải phát triển, sánh vai với các “Cường quốc năm châu”, đó là cơ sở để dân giàu, nước mạnh. Bên cạnh đó, sự giàu có của đất nước không phải là sự hy sinh quyền lợi của nhóm người này, tập trung giàu có cho bộ phận khác trong xã hội, mà phải đảm bảo sự công bằng xã hội, công bằng về cơ hội đóng góp, hưởng thụ và cơ hội phát triển, hoàn toàn không phải là sự cào bằng. Để đạt được mục tiêu đó, trong lãnh đạo, chỉ đạo, xây dựng chủ trương, chính sách và tổ chức thực hiện, phải

nhất quán gắn kết giữa tăng trưởng kinh tế đồng bộ, hài hòa với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

Việt Nam là quốc gia có điểm xuất phát thấp về trình độ phát triển kinh tế, lại trải qua 30 năm kháng chiến giành độc lập, chiến tranh tàn phá và sau đó là 50 năm đất nước thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội. Mặc dù vậy, tùy theo điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của từng giai đoạn, tư tưởng này vẫn được Đảng, Nhà nước Việt Nam nhất quán, kiên trì thực hiện, cụ thể hóa trong nội dung của hai nhiệm vụ

chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, không ngừng hoàn thiện cả về quan điểm, cụ thể hóa theo điều kiện của đất nước, tiếp thu thành tựu, tinh hoa của nhân loại. Ngay sau khi đất nước thống nhất vào năm 1975, trong 10 năm đầu, giải quyết mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế, gắn kết với phát triển văn hóa, thực hiện công bằng xã hội theo mô hình cũ, kế hoạch tập trung, bao cấp đã có nhiều bài học quý được rút ra, là phải tôn trọng quy luật khách quan; nóng vội, chủ quan duy ý chí là thất bại. Đại hội đại biểu lần thứ VI



*Lễ hội Oóc om bôc - Đua ghe ngo ở Sóc Trăng - nét đẹp văn hóa của người Khmer*

*— Ảnh: IT*



của Đảng Cộng sản Việt Nam đã thể hiện bước ngoặt trong đổi mới tư duy về vấn đề này. Từ nhận thức: Trình độ phát triển kinh tế là điều kiện vật chất để thực hiện chính sách xã hội, nhưng những mục tiêu xã hội lại là mục đích của các hoạt động kinh tế, coi tăng trưởng kinh tế là cơ sở để thực hiện nhiệm vụ phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, Rằng: “*Chính sách xã hội bao trùm mọi mặt của cuộc sống con người: điều kiện lao động và sinh hoạt, giáo dục và văn hoá, quan hệ gia đình, quan hệ giai cấp, quan hệ dân tộc... thể hiện đầy đủ trong thực tế quan điểm của Đảng và Nhà nước về sự thống nhất giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội*”<sup>2</sup>, và nhấn mạnh: “*Cần có chính sách xã hội cơ bản, lâu dài và xác định những nhiệm vụ, mục tiêu phù hợp với yêu cầu, khả năng trong chặng đường đầu tiên. Đó là một bước tiến mới trong nhận thức về chính sách xã hội của Đảng*”<sup>3</sup>.

Đại hội VII chỉ rõ: “*Trong quá trình tiến lên chủ nghĩa xã hội, cùng với việc xây dựng và phát triển nền kinh tế theo định hướng xã hội chủ nghĩa, phải xây dựng và phát triển một nền văn hóa*

*tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*”<sup>4</sup>, rằng: “*Vai trò to lớn của văn hóa là một động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời là mục tiêu trong xây dựng xã hội mới*”<sup>4</sup>. Cương lĩnh trong thời kỳ quá độ đi lên Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam ban hành năm 1991 (Cương lĩnh 1991), nhấn mạnh nội dung của mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế, phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, Rằng: “*Kết hợp tăng trưởng kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội, giữa đời sống vật chất và đời sống tinh thần; giữa đáp ứng các nhu cầu trước mắt với chăm lo lợi ích lâu dài*”. Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ, khóa VII (tháng 1 năm 1994), mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội được Đảng Cộng sản Việt Nam xác định rõ ràng hơn, yêu cầu tăng trưởng kinh tế phải gắn với tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong **từng bước phát triển**. Đến Đại hội VIII, nhận thức về mối quan hệ này tiếp tục được hoàn thiện: “*Tăng trưởng kinh tế gắn với cải thiện đời sống nhân dân, phát triển văn hóa, giáo dục, thực hiện tiến bộ, công bằng*

xã hội và bảo vệ môi trường”. Cho đến Đại hội IX: “Tăng trưởng kinh tế gắn với bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước phát triển” và khẳng định: “Phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và **bảo vệ môi trường**”<sup>5</sup>. Sự hoàn thiện về nhận thức và tính nhất quán về kết hợp giữa kinh tế với văn hóa và xã hội tiếp tục được duy trì, Đại hội X Đảng Cộng sản Việt Nam, đã thể hiện sâu sắc hơn mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, coi đây là một trong những **nội dung cơ bản của định hướng xã hội chủ nghĩa** là: “Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển; tăng trưởng kinh tế đi đôi với phát triển văn hóa, y tế, giáo dục... giải quyết tốt các vấn đề xã hội vì mục tiêu phát triển con người. Thực

hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và thông qua phúc lợi xã hội”<sup>6</sup>. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011) ở Đại hội XI, Đảng Cộng sản Việt Nam một lần nữa nhấn mạnh: “**Kết hợp chặt chẽ, hợp lý phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách; phát triển hài hòa đời sống vật chất và đời sống tinh thần**”<sup>7</sup>. Cùng với đó là hàng loạt các nghị quyết về trí thức, giáo dục đào tạo, nông nghiệp, nông dân, nông thôn... Đặc biệt là Nghị quyết 33/NQ-TW, ngày 9/6/2014 về xây dựng, phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, khẳng định: “**Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh**



*thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.*

Đại hội XII của Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục hoàn thiện những vấn đề này, nêu rõ: “*Gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống của nhân dân*”<sup>8</sup>. Đại hội XIII của Đảng xác định định hướng phát triển tiếp tục năm vững và xử lý tốt **mối quan hệ lớn** “Giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường”<sup>9</sup> và nhấn mạnh: “... Gắn kết chặt chẽ và triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, trong đó phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần; bảo đảm quốc phòng, an ninh là trọng yếu, thường xuyên”.

Quan điểm trên của Đảng Cộng sản Việt Nam về: “Tăng trưởng kinh tế gắn liền với bảo đảm tiến bộ và công bằng

xã hội ngay trong từng bước phát triển” và “Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển”, đã cho thấy, mối quan hệ xuyên suốt, phát triển kinh tế đến đâu phải thực hiện tiến bộ xã hội và công bằng xã hội đến đó, không thể tách rời hai quá trình này. Cụ thể là, không thể chờ khi nào kinh tế đã đạt đến trình độ phát triển cao mới thực hiện công bằng xã hội, lại càng không thể hy sinh công bằng xã hội để chạy theo sự tăng trưởng kinh tế đơn thuần nhằm thoả mãn nhu cầu ích kỷ của thiểu số người đặc quyền, đặc lợi trong xã hội mà quên lợi ích thiết thực của đa số quần chúng nhân dân lao động - những người làm nên sự phát triển kinh tế. Ở đây cũng cần thấy rằng, về thực chất, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn kiên trì, nhất quán quan điểm: Tiến bộ xã hội và công bằng xã hội là hai mục tiêu song trùng của sự phát triển. Điều đó có nghĩa là, trong khi theo đuổi mục tiêu tiến bộ xã hội (phát triển kinh tế- xã hội, trước hết là phát triển lực lượng sản xuất...), tạo tiền đề và cơ sở vật chất - kỹ thuật, văn hoá - xã hội để thực hiện mục tiêu công bằng xã hội.

Ngược lại, công bằng vừa là sự thể hiện trình độ tiến bộ hay thước đo (xã hội nhân văn), vừa là động lực quan trọng của tiến bộ xã hội, hai mục tiêu tiến bộ xã hội và công bằng xã hội luôn gắn bó và đồng hành với nhau, làm tiền đề và điều kiện cho nhau.

## II. Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, hài hòa, đồng bộ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, xã hội

Về kết quả chung, trong những năm qua, đặc biệt là trong 10 năm trở lại đây, để thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, kết hợp hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội Đảng, Nhà nước Việt Nam đã ban hành một loạt văn bản, thể chế quan trọng, cụ thể hóa trên các lĩnh vực, trong đó tập trung về kinh tế, văn hóa, xã hội và môi trường. Phát triển kinh tế là cơ sở để đảm bảo việc thực hiện phát triển văn hóa, xã hội và môi trường. Phát triển bền vững môi trường là cơ sở để phát

triển bền vững kinh tế, nâng cao chất lượng sống của người dân và đảm bảo sự ổn định, thuận lợi cho thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Đánh giá chung kết quả đạt được, văn kiện của Đảng Cộng sản Việt Nam đã

chỉ rõ: “Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước luôn luôn quan tâm xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội... Việt Nam đã hoàn thành hầu hết các mục tiêu Thiên niên kỷ... Đời sống và thu nhập của người dân không ngừng được nâng lên”.

**Đặc biệt là trong 10 năm trở lại đây, để thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, kết hợp hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội Đảng, Nhà nước Việt Nam đã ban hành một loạt văn bản, thể chế quan trọng, cụ thể hóa trên các lĩnh vực, trong đó tập trung về kinh tế, văn hóa, xã hội và môi trường.**

Có sự thay đổi mạnh trong cơ cấu xã hội, trong đó nhóm nghèo và cận nghèo giảm mạnh, nhóm trung lưu

đang hình thành và phát triển nhanh chóng. Năm 2022, thu nhập bình quân đầu người ở Việt Nam đạt trên 4000 USD/người. Nghèo ở Việt Nam được đo lường bằng thu nhập và chỉ số đa chiều, tiếp cận với chuẩn nghèo chung của thế giới. An ninh, an toàn

của người dân được đảm bảo hơn, một số điểm nóng, bức xúc xã hội đã được giải quyết kịp thời. Thành tựu giảm nghèo của Việt Nam đã được cộng đồng quốc tế ghi nhận, được Liên Hiệp Quốc đánh giá là một trong các nước có thành tích giảm nghèo ấn tượng nhất trong thực hiện Mục tiêu Thiên niên kỷ. Thất nghiệp giảm từ 6,9% của năm 2001 xuống còn 2,2% của năm 2017 và trên 2,3% vào năm 2022; tỷ lệ biết chữ của người dân cả nước đã tăng rõ rệt qua các thập niên vừa qua. Phụ nữ Việt Nam tham gia vào Quốc hội nhiệm kỳ 2016-2021 đạt 26,72%, tăng hơn nhiệm kỳ trước tới 2,62%. Đại biểu nữ tham gia vào Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, tăng từ 21,57% trong nhiệm kỳ 1999-2004 lên 26,54%, cấp huyện đạt 27,85%, cấp xã cũng tăng mạnh lên 26,59% vào nhiệm kỳ nhiệm kỳ 2016-2021<sup>10</sup>.

Ngoài ra, kết quả thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế, phát triển văn hóa, xã hội còn được thể hiện như sau:

**Thứ nhất**, nhận thức về văn hóa và gắn tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng

*xã hội của các cấp, ngành và toàn dân được nâng lên.* Vai trò của văn hóa ngày càng thể hiện rõ trong việc xây dựng con người, có tác động to lớn trong đời sống xã hội. Phát triển văn hóa được chú trọng hơn về chủ trương, chính sách, nguồn lực và từng bước có sự gắn kết với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường quốc phòng, an ninh, đối ngoại, xây dựng hệ thống chính trị. Phát triển văn hóa được gắn kết chặt chẽ trong quy hoạch, kế hoạch phát triển của các ngành, lĩnh vực, tạo môi trường và điều kiện để người dân được công bằng thụ hưởng các thành quả phát triển chung của đất nước.

Môi trường văn hóa được cải thiện, một số mặt tiến bộ rõ rệt, tạo sự gắn kết cộng đồng, thúc đẩy tiến bộ và công bằng xã hội, tăng cường nội lực tinh thần của xã hội. Khai thác tốt hơn nguồn lực của xã hội, đáp ứng nhu cầu sáng tạo và hưởng thụ văn hóa ngày càng cao của nhân dân. Vai trò chủ thể văn hóa của cộng đồng các dân tộc, cộng đồng dân cư từng bước được khơi dậy. Các thiết chế văn hóa được xây dựng, bổ sung từ nhiều nguồn khác nhau, đa dạng loại hình, sở hữu.

Ý thức chính trị, năng lực sáng tạo, trách nhiệm công dân của phần đông văn nghệ sĩ được phát huy. Đội ngũ những người làm công tác văn hóa, văn nghệ có bước phát triển, xuất hiện nhiều văn nghệ sĩ trẻ tài năng ở các loại hình. Bước đầu đã hình thành thị trường sản phẩm và dịch vụ văn hóa, nghệ thuật. Phong trào văn hóa, văn nghệ quần chúng phát triển, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa cộng đồng. Công nghệ thông tin, truyền thông, báo chí, xuất bản phát triển mạnh, nội dung phong phú, hấp dẫn, cơ sở vật chất, kĩ thuật, công nghệ không ngừng được hiện đại hóa. Chính sách hỗ trợ thông tin, báo chí cho các vùng khó khăn được quan tâm.

Các giá trị văn hóa truyền thống được giữ gìn, phát huy, kết hợp tốt hơn với văn hóa đương đại. Văn hóa, văn nghệ dân gian các dân tộc được quan tâm sâu sắc, phổ biến. Đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ người dân tộc thiểu số tăng về số lượng và nâng dần về chất lượng. Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và sinh hoạt văn hóa tâm linh của nhân dân được bảo vệ và bảo đảm trên thực tế. Hoạt động văn hóa từng bước thích ứng

dẫn với cơ chế thị trường và hội nhập quốc tế.

Nhiều chính sách xã hội đã được triển khai thực hiện, mang lại kết quả tích cực, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, như chính sách với người có công, chính sách an sinh xã hội, gắn phát triển kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội ngay từ đầu, trong từng bước đi và trong từng chính sách phát triển. Thể hiện tinh thần đó, kế thừa thành quả đã đạt được qua 50 năm đất nước thống nhất. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã xác định: Đến năm 2030, một số chỉ tiêu chủ yếu: GDP bình quân theo đầu người khoảng 7500 USD; chỉ số phát triển con người HDI duy trì trên 0,7 (năm 2019 là 0,704); tuổi thọ bình quân đạt trên 75, trong đó thời gian sống khỏe mạnh tối thiểu 68 năm; tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 35-40%; tỷ trọng lao động nông nghiệp trọng tổng lao động xã hội giảm xuống dưới 20%. Đây là minh chứng rõ nhất thể hiện tính ưu việt, sự quan tâm của Đảng, Nhà nước Việt Nam đối với việc giải quyết các vấn đề văn hóa, xã hội gắn với tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội.

*Thứ hai, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước phát triển, trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.* Tiến bộ và công bằng xã hội được thể hiện ngay từ chủ trương phát triển kinh tế - xã hội, đầu tư phát triển, hưởng thụ kết quả, coi đầu tư cho văn hóa là đầu tư cho phát triển. Việt Nam là đất nước thống nhất hài hòa của cộng đồng 54 dân tộc anh em. Chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước tạo mọi điều kiện để tất cả mọi người đều bình đẳng cùng tham gia vào công cuộc đổi mới và cùng được thụ hưởng do thành quả của sự nghiệp đổi mới đem lại. Tiến bộ và công bằng xã hội được thể hiện ở tất cả các lĩnh vực đời sống vật chất tinh thần xã hội. Có bước đi phù hợp, gắn kết phát triển kinh tế với văn hóa và tiến bộ, công bằng xã hội.

Tiến bộ xã hội do phát triển kinh tế, văn hóa mang lại được thể hiện trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, mỗi bước phát triển kinh tế, Việt Nam đều gắn kết với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, đồng thời khi làm tốt vấn đề này, sẽ thúc đẩy kinh tế phát triển, quốc phòng, an ninh và đối ngoại được giữ

vững, vị thế, hình ảnh Việt Nam ngày càng có vị trí quan trọng ở khu vực và trên thế giới.

*Thứ ba, các nội dung phát triển văn hóa, xã hội góp phần thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, được thể hiện cụ thể trong tất cả các hoạt động văn hóa, các mục tiêu, nhiệm vụ an sinh xã hội như: chiến lược phát triển gia đình Việt Nam; các địa phương đã lồng ghép việc giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình với các đợt tuyên truyền khác. Công tác truyền thông được coi trọng, đặc biệt đối với các sự kiện văn hóa, như các Ngày Quốc tế Hạnh phúc, Ngày Gia đình Việt Nam, Tháng hành động quốc gia về phòng chống bạo lực gia đình... Xây dựng và nhân rộng các mô hình gia đình văn hóa tiêu biểu. Việc xây dựng văn hóa ở gia đình, làng, bản, khu phố, công sở, trường học, đơn vị, doanh nghiệp, thực hiện nếp sống văn minh trong sinh hoạt cộng đồng... và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại được quan tâm hơn. Từng bước thu hẹp khoảng cách hưởng thụ văn hóa giữa các vùng miền, các giai tầng xã hội, giữa thành thị và nông thôn, giữa đồng bằng và*

miền núi, vùng sâu, vùng xa.

Việc thể chế hoá chủ trương của Đảng về thiết chế văn hóa, thể hiện rõ sự gắn kết giữa phát triển văn hóa và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội trong từng lĩnh vực, giữa các vùng miền, Nhà nước ban hành được một số văn bản luật quan trọng: Luật Báo chí, Luật Xuất bản, Luật Di sản văn hóa, Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Điện ảnh... tạo hành lang pháp lý cho phát triển văn hóa.

Bên cạnh đó, nhiều quan điểm, chủ trương lớn về phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội tiếp tục được quan tâm cả trong nhận thức và ban hành chính sách, Đại hội XIII của Đảng đã khẳng định: Nhận thức đầy đủ và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa trong các chính sách xã hội. Tăng cường quản lý phát triển xã hội, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội, tính bền vững trong các chính sách xã hội, nhất là phúc lợi xã hội, an ninh xã hội, an ninh con người. Triển khai đồng bộ và toàn diện các mục tiêu kinh tế, tiến bộ, công bằng xã hội và môi trường. Xây dựng và thực hiện đồng bộ thể chế, chính sách phát triển xã hội, quản lý phát triển xã hội bền

vững, hài hòa. Gắn chính sách phát triển kinh tế với chính sách xã hội, quan tâm lĩnh vực công tác xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân. Phát huy tối đa lợi thế của các vùng, miền; phát triển hài hòa giữa kinh tế, văn hóa, xã hội; quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng chính sách, người có công, người nghèo, người yếu thế, đồng bào dân tộc thiểu số.

*Thứ tư, tiến bộ và công bằng xã hội được nâng lên rõ rệt nhờ tăng trưởng ổn định của nền kinh tế, thể hiện rõ ở các lĩnh vực hoạt động văn hóa.* Chính sách văn hóa trong lĩnh vực bảo tồn, bảo tàng, di sản được tiếp tục hoàn thiện. Phát huy các di sản được UNESCO công nhận, góp phần quảng bá hình ảnh đất nước và con người Việt Nam. Năm 2017, “Nghệ thuật bài Chòi Trung Bộ Việt Nam”, “Hát xoan Phú Thọ” đã được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại, nâng tổng số di sản đã được công nhận lên con số 26. Tính đến hết năm 2017, có 3477 di tích quốc gia, trong đó có 95 di tích quốc gia đặc biệt, 142 bảo vật quốc gia, 228 di sản văn hóa phi vật



thể. 61.669 di sản văn hóa phi vật thể trên toàn quốc được kiểm kê. Năm 2019 Việt Nam có 8 Di sản thế giới được UNESCO công nhận, trong đó có 5 di sản văn hóa, 2 di sản tự nhiên và 1 di sản hỗn hợp. Trong suốt 50 năm vừa qua, mặc dù gặp nhiều khó khăn Việt Nam đã huy động được nhiều nguồn lực xã hội, đóng góp vào việc bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích.

Hệ thống tổ chức tư vấn, hội nghề nghiệp về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa được củng cố, từng bước mở rộng và hoàn thiện. Các địa phương quan tâm chỉ đạo thực hiện việc quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa.

Bên cạnh đó, các vấn đề liên quan đến chính sách xã hội, nhất là khu vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn cũng được quan tâm. Hội nghị Trung ương 5 khóa XIII ban hành Nghị quyết về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã xác định: Đến năm 2030, số xã đạt nông thôn mới trên 90%, trong đó 50% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; số huyện đạt chuẩn nông thôn mới trên 70%, trong đó 35

% số đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao. Thu nhập bình quân đầu người của người dân ở nông thôn tăng gấp 2,5-3 lần năm 2020. Thực hiện tốt chính sách xã hội đối với nông dân, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội sẽ góp phần tăng trưởng và phát triển bền vững đất nước.

*Thứ năm, phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội được cụ thể hóa trong xây dựng thể chế, phát triển ngành, lĩnh vực văn hóa.* Trong đó, phát triển công nghiệp văn hóa đi đôi với xây dựng, hoàn thiện thị trường văn hóa đã có những kết quả bước đầu, tích cực. Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, chính sách của ngành văn hóa từ bộ chủ quản tới các sở đã cơ bản đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, tiếp tục thể chế hóa các chủ trương, nghị quyết của Đảng về văn hóa. Công tác bảo vệ bản quyền tác giả và quyền liên quan có nhiều chuyển biến tích cực, đã thực hiện nhiều biện pháp thực thi pháp luật về văn hóa... phù hợp với các hiệp định, định chế quốc tế, đặc biệt là các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tạo dựng môi trường kinh

doanh thuận lợi, hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác chỉ đạo, điều hành. Triển khai Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2030.

Các địa phương đã quan tâm đầu tư cho phát triển văn học, nghệ thuật, kiện toàn tổ chức, xây dựng đội ngũ, phát hiện, bồi dưỡng tài năng nhằm nâng cao chất lượng hoạt động hội văn học, nghệ thuật. Nhiều tác phẩm có nội dung tư tưởng nghệ thuật tốt, tác phẩm hay, đặc sắc được lựa chọn và trao giải. Nhiều cuộc thi được phát động, thu hút đông đảo hội viên và văn nghệ sỹ tham gia.

Về những hạn chế, nhận thức của một số cấp ủy, chính quyền chưa đầy đủ, không ít trường hợp chỉ coi trọng phát triển kinh tế, coi nhẹ mục tiêu văn hóa, xã hội; chưa đầu tư nghiên cứu, dự báo mang tầm chiến lược xu hướng biến đổi xã hội. Nhiều lĩnh vực của phát triển bền vững chưa được nghiên cứu đầy đủ. Một số cơ chế, chính sách xã hội còn chồng chéo, bất cập, chưa theo kịp sự phát triển của thực tiễn. Chưa đánh giá đầy đủ tác

động của mặt trái cơ chế thị trường, hội nhập quốc tế đối với xã hội, văn hóa, ổn định trong quá trình phát triển. Nhận thức về bình đẳng trong cơ hội thụ hưởng chính sách xã hội chưa thống nhất. Xác định trách nhiệm chưa rõ ràng trong triển khai thực hiện, chưa phát huy đầy đủ sức mạnh của hệ thống chính trị. Việc giải quyết một số vấn đề xã hội chưa hiệu quả;... giảm nghèo chưa bền vững, chênh lệch giàu - nghèo và bất bình đẳng có xu hướng gia tăng;... chưa có chính sách, giải pháp kịp thời, hiệu quả đối với vấn đề biến đổi cơ cấu, phân hóa giàu - nghèo, phân tầng xã hội, kiểm soát rủi ro, giải quyết mâu thuẫn xã hội, bảo đảm an toàn xã hội, an ninh cho con người. Thực tiễn những năm vừa qua ở Việt Nam cho thấy, giải quyết mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế hài hòa với phát triển văn hóa, xã hội thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội bị tác động của nhiều yếu tố bên trong và bên ngoài, cùng với sự chống phá của các thế lực cơ hội, thù địch; mặt trái của kinh tế thị trường; tác động của mạng xã hội, internet sẽ luôn tiềm ẩn sự bất ổn về xã hội.



Những thành công, hạn chế và yếu kém thời gian qua có cả *nguyên nhân chủ quan, khách quan*, trong đó nguyên nhân chủ quan là chính, đặc biệt là về những thiếu sót, khuyết điểm, đó là: *i*). Nhận thức của một số cấp ủy đảng, chính quyền các cấp về quản lý phát triển xã hội bền vững, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội còn hạn chế. Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện không thường xuyên, kịp thời. *ii*). Việc ban hành hệ thống luật pháp, thể chế, chính sách tuy đã được quan tâm, nhưng còn thiếu đồng bộ, kịp thời, một số trường hợp chất lượng còn hạn chế. Công tác nghiên cứu, dự báo chưa theo kịp những thay đổi của thực tiễn; chưa phát hiện và xử lý kịp thời những mâu thuẫn phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện. *iii*). Điểm xuất phát thấp của nền kinh tế, diễn biến phức tạp của mặt trái kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế, gây khó khăn cho việc thực hiện tiến bộ và

công bằng xã hội; tổ chức bộ máy còn công kênh, hiệu lực, hiệu quả tổ chức thực hiện trên một số lĩnh vực chưa cao. *iv*). Sự chống phá của các thế lực cơ hội, thù địch luôn tạo ra những nguy cơ tiềm ẩn cho việc mất ổn định ở một số khu vực, nhất là vùng đồng bào dân tộc ít người; tôn giáo, tín ngưỡng.

**Bối cảnh thế giới và trong nước thời gian tới có nhiều nhân tố tích cực và hạn chế, thời cơ và thách thức trong việc gắn kết giữa tăng trưởng kinh tế hài hòa với phát triển văn hóa, xã hội thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ở Việt Nam.**

**III Tiếp tục thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, hài hòa, đồng bộ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, xã hội ở Việt Nam thời gian tới**

Bối cảnh thế giới và trong nước thời gian tới có nhiều nhân tố tích cực và hạn chế, thời cơ và thách thức trong việc gắn kết giữa tăng trưởng kinh tế hài hòa với phát triển văn hóa, xã hội thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ở Việt Nam. Quá trình đổi mới, hội nhập quốc tế đi vào chiều sâu, những thành quả của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ, đặc biệt là cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại, mặt

trái của quá trình toàn cầu hóa, kinh tế thị trường... Để Việt Nam trở thành nước đang phát triển, có thu nhập trung bình cao vào năm 2030 và là nước phát triển có thu nhập cao vào năm 2045. Giải quyết hài hòa mối quan hệ này, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong điều kiện mới, Việt Nam cần tập trung vào một số giải pháp sau đây:

*Một là, tiếp tục nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền về phát triển kinh tế gắn với phát triển văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội trong điều kiện mới. Xác định coi văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, phải nhất quán đặt phát triển văn hóa, xã hội ngang hàng với phát triển kinh tế, kinh tế chỉ phát triển nhanh và bền vững khi coi trọng phát triển văn hóa và đặt con người là trung tâm của sự phát triển.*

Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, con người Việt Nam phát triển toàn diện. Xây dựng môi trường văn hóa, đạo đức lành mạnh; đảm bảo an sinh xã hội, ngăn chặn sự xuống cấp về văn hóa, đạo đức; xây dựng các cơ chế, chính sách để gắn kết chặt chẽ xây dựng văn hóa với thực hiện tiến bộ và

công bằng xã hội; phát triển văn hóa, xã hội với phát triển kinh tế.

*Hai là, tiếp tục thể chế hóa các quan điểm, đường lối của Đảng, đặc biệt là Nghị quyết Đại hội và các hội nghị Trung ương khóa XIII về phát triển kinh tế, văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội thành các chính sách, pháp luật của Nhà nước, xử lý hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị với phát triển văn hóa; khắc phục tình trạng chạy theo lợi ích kinh tế, không quan tâm đúng mức các giá trị văn hóa. Thực hiện tốt quan điểm kết hợp hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển. Mỗi chính sách phát triển kinh tế phải hướng tới phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Quản lý phát triển xã hội bền vững phải tập trung vào việc xây dựng mô hình, khả năng quản trị phát triển xã hội hợp lý, không ngừng nâng cao đời sống nhân dân, lấy sự hài lòng, hạnh phúc của người dân làm tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động của bộ máy công quyền, tính hợp lý của sự kết hợp*

giữa tăng trưởng kinh tế hài hòa với phát triển văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển. Điều này phải được cụ thể hóa, từng bước hoàn thiện thể chế, luật pháp, chính sách phù hợp với từng giai đoạn.

Ba là, *đẩy mạnh nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, quan tâm, giải quyết tốt những mâu thuẫn trong quá trình phát triển, như: Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội trong điều kiện kinh tế phát triển chưa cao, nguồn lực còn hạn chế; tăng trưởng kinh tế với xây dựng văn hóa, đặc biệt là định hướng phát triển, hoàn thiện hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình, chuẩn mực giá trị đạo đức con người Việt Nam trong thời kỳ mới. Nghiên cứu và có giải pháp phù hợp giải quyết các vấn đề như: Kinh tế phát triển, đời sống vật chất của nhân dân được nâng lên, nhưng một số lĩnh vực văn hóa, xã hội phát triển không tương xứng; giữa chủ trương phát triển văn hóa với việc tổ chức thực hiện; giữa yêu cầu phát triển văn hóa, xã hội với thực trạng hạn chế về nguồn lực; giữa bảo tồn, phát huy giá trị bản sắc văn hóa, truyền thống tốt đẹp của dân tộc*

với hội nhập, mở cửa tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại; giữa thực tiễn phát triển văn hóa, xã hội với công tác lý luận, định hướng phát triển.

Bốn là, *phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao là một đột phá chiến lược, là yếu tố quyết định đẩy sự phát triển. Quán triệt quan điểm tiến bộ và công bằng xã hội trong thực hiện chủ trương phát triển nguồn nhân lực của lĩnh vực văn hóa, xã hội. Đặc biệt là các khu vực còn nhiều khó khăn, miền núi, vùng sâu, vùng xa, các dân tộc thiểu số. Việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chỉ đạo, quản lý văn hóa, văn học, nghệ thuật, báo chí cần có định hướng và những chính sách nhằm phát huy năng lực, bồi dưỡng chuyên môn và nâng cao trách nhiệm của cán bộ trong lĩnh vực này. Bố trí cán bộ chỉ đạo, quản lý văn hóa đúng chuyên môn sở trường, có năng lực, kinh nghiệm. Thường xuyên có kế hoạch đào tạo và đào tạo lại cán bộ để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ.*

Năm là, *xây dựng, củng cố, phát huy thiết chế văn hoá các cấp, các chương trình mục tiêu quốc gia về chính sách xã hội. Các địa phương quan tâm đầu*

tư, phải dành quỹ đất và ưu tiên bố trí địa điểm cho việc xây dựng và mở rộng, phát triển hệ thống thiết chế văn hoá các cấp, các chương trình an sinh xã hội, đồng thời thực hiện chủ trương xã hội hoá. Bảo tồn di sản văn hóa phải gắn kết chặt chẽ với phát huy các giá trị văn hóa và phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội ở địa phương, nhất là các khu công nghiệp, vùng sâu vùng xa, gắn việc thực hiện an sinh xã hội với nâng cao đời sống văn hóa tinh thần của người dân..

Chính quyền các cấp đầu tư đúng mức cho lĩnh vực văn hóa, xã hội tương ứng với mức tăng trưởng kinh tế. Tăng cường đầu tư, nâng cao khả năng dự báo và định hướng phát triển, xây dựng con người Việt Nam toàn diện, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, góp phần phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, củng cố vững chắc thành quả của đất nước qua 50 năm thống nhất ■

<sup>1</sup> Báo Cứu quốc, số ra ngày 8/10/1945.

<sup>2,3</sup> ĐCSVN: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, t.52, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.407-408, 407.

<sup>4</sup> ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr.162.

<sup>5</sup> ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, tr.77.

<sup>6</sup> ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1986, tr.79.

<sup>7</sup> ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016, tr.299.

<sup>8</sup> ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.119.

<sup>9</sup> Báo cáo rà soát quốc gia tự nguyện thực hiện các mục tiêu Thiên kỷ của Việt Nam 6/2018.

# VĂN HÓA THỦ ĐÔ HÀ NỘI, 50 NĂM THỐNG NHẤT VÀ ĐỔI MỚI

● TS NGUYỄN VIỆT CHỨC

*Nguyên Phó chủ nhiệm Ủy ban Văn hóa, Giáo dục,  
Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng của Quốc hội*

## I. THỰC TRẠNG VĂN HÓA THỦ ĐÔ HÀ NỘI 50 NĂM THỐNG NHẤT VÀ ĐỔI MỚI

Để đánh giá thực trạng đương nhiên phải có nội dung, tiêu chí, và công cụ (thước hoặc cân), nhưng văn hóa là thứ rất khó cân đong, đo đếm! Nếu cố gắng đo đếm để báo cáo không những thiếu chính xác mà có thể còn làm sai lệch ý nghĩa văn hóa của sự vật sự việc. Chẳng hạn, nếu căn cứ vào số % về gia đình văn hóa, làng văn hóa để đánh giá nơi này hơn hoặc kém nơi kia có vẻ thiếu thuyết phục. Hoặc giả, căn cứ số buổi biểu diễn của các đoàn nghệ thuật, số bài thơ, số tiểu thuyết... để đánh giá sự lên, xuống của văn hóa cũng không khả dĩ. Vậy nên chúng tôi cố gắng đi theo một hướng khác để đánh giá thực trạng văn hóa Thủ đô Hà Nội nửa thế kỷ qua theo những nội dung và cách tiếp cận khác cần được

các đồng nghiệp chia sẻ và trao đổi nhằm phát huy những thành tựu đạt được và hạn chế những yếu kém, tồn tại nhiều năm.

### 1.1 Thời kỳ trước Đổi mới (1975 - 1986)

#### 1.1.1 Nhận thức về vị trí, vai trò của văn hóa Thủ đô Hà Nội

Nhận thức về vị trí, vai trò của văn hóa nói chung theo quan điểm của Đảng là nhất quán, xuyên suốt từ khi Đảng ra đời năm 1930. Tuy nhiên, đến năm 1943 những quan điểm về văn hóa mới được thể hiện có tính hệ thống, bao quát toàn diện. Nội dung đặc biệt quan trọng của Đề cương về Văn hóa Việt Nam năm 1943 là sự khẳng định tính chất của nền văn hóa mới là Dân tộc - Khoa học - Đại chúng. Quan điểm này về cơ bản được vận dụng vào tình hình thực tiễn cách mạng Việt Nam qua từng thời kỳ,

trong những hoàn cảnh khác nhau. Ngay trong hoàn cảnh tập trung kháng chiến chống thực dân Pháp, Đảng chủ trương Văn hóa hóa kháng chiến, kháng chiến hóa văn hóa, thể hiện rõ vai trò to lớn của văn hóa trong sự nghiệp giải phóng dân tộc. Đến giai đoạn xây dựng miền Bắc là hậu phương lớn XHCN cho sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, trong ba cuộc cách mạng có cuộc cách mạng Tư tưởng, Văn hóa điều đó khẳng định vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng của văn hóa trong đường lối, quan điểm của Đảng ta.

Trên cơ sở nhận thức đúng đắn về vị trí, vai trò của văn hóa nói chung, nhận thức về vị trí, vai trò của văn hóa Thủ đô cũng được khẳng định. Nghị quyết 8 của Bộ chính trị Trung ương khóa IV năm 1983 khẳng định: “Trung tâm văn hóa Hà Nội phải phát huy truyền thống văn hóa lâu đời và tỏa sáng nền văn hóa mới với toàn quốc”<sup>\*</sup>; Hội đồng Bộ

trưởng cũng ban hành Nghị quyết số 159 tháng 12 năm 1983 yêu cầu: “*Phát triển văn hóa Thủ đô Hà Nội... làm mẫu mực cho phong trào chung. Phải có những hoạt động và công trình văn hóa tiêu biểu cho nền văn hóa mới*”. Rõ

**Nội dung đặc biệt quan trọng của Đề cương về Văn hóa Việt Nam năm 1943 là sự khẳng định tính chất của nền văn hóa mới là Dân tộc - Khoa học - Đại chúng. Quan điểm này về cơ bản được vận dụng vào tình hình thực tiễn cách mạng Việt Nam qua từng thời kỳ, trong những hoàn cảnh khác nhau.**

ràng Trung ương luôn coi trọng văn hóa Thủ đô Hà Nội với vai trò “trung tâm mẫu mực cho văn hóa toàn quốc”. Với Thành ủy Hà Nội, ngay từ những năm đầu của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1960 -1965), Thành ủy Hà Nội đã có Nghị quyết số 44/NQ - ĐBHN “Về công tác văn hóa - nghệ thuật ở Thủ đô” trong đó khẳng định: “*Công tác văn hóa, nghệ thuật ở Thủ đô còn cần*

*phải phấn đấu vươn lên sao cho xứng đáng vị trí đầu tàu, tiêu biểu cho cả nước, xứng đáng là trung tâm văn hóa của cả nước... Phải góp phần đắc lực vào việc giáo dục lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, giáo dục truyền thống cách mạng và giác ngộ giai cấp cho công nhân và nhân dân lao động;*



gây một không khí cách mạng mới Thủ đô, góp phần xây dựng con người mới, con người XHCN, nâng cao đời sống văn hóa, thỏa mãn nhu cầu lành mạnh về văn hóa của nhân dân, động viên tinh thần hăng hái sản xuất và công tác nhằm đẩy mạnh công cuộc xây dựng XHCN, góp phần vào việc xây dựng và bảo vệ miền Bắc, đấu tranh thống nhất nước nhà”. Đại hội Đảng bộ Thành phố Hà Nội lần thứ VII năm 1977 chỉ ra nhiệm vụ của Văn hóa Thủ đô là: “Theo sát tình hình tuyên truyền đường lối, chính sách kịp thời, sắc bén, xây dựng tư tưởng, tình cảm cao đẹp của con người mới, xây dựng nếp sống mới,

nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân Thủ đô... động viên và bồi dưỡng đội ngũ văn nghệ sĩ sáng tác nhiều tác phẩm và công trình nghệ thuật tốt... phục vụ tốt việc xây dựng con người mới, xây dựng nhà bảo tàng, giữ gìn và tu sửa các di tích lịch sử... xây dựng một số tượng đài kỷ niệm... Đặc biệt coi trọng phát triển và nâng cao phong trào văn hóa, văn nghệ quần chúng”.

Như vậy có thể thấy, nhận thức về văn hóa nói chung và văn hóa của Thủ đô Hà Nội nói riêng là đúng đắn. Vị trí, vai trò của văn hóa và văn hóa Thủ đô Hà Nội luôn được đề cao, nhất là vị trí trung tâm, vai trò đi đầu, “gương



*Liên hoan nghệ thuật mùa Rồng của Thủ đô Hà Nội \_ Ảnh: TL*



mẫu” của văn hóa Thủ đô Hà Nội được nhấn mạnh.

Các giá trị văn hóa vật thể đã được quan tâm gìn giữ với nhận thức đầy đủ, toàn diện hơn thời kỳ trong chiến tranh. Đi trước nhiều địa phương trong cả nước về nhận thức và hoạt động thực tiễn, không còn hiện tượng phá đình, chùa, đền, miếu... Nhưng lấn chiếm làm chỗ ở và các mục đích khác vẫn tồn tại và tiếp diễn thể hiện sự coi nhẹ giá trị di sản. Điều đó khẳng định nhận thức chưa đủ sâu sắc về giá trị văn hóa truyền thống, đặc biệt là văn hóa phi vật thể.

Tuy nhiên, nhìn chung ở giai đoạn này, nhận thức về văn hóa Thủ đô Hà Nội đúng đắn nhưng chưa toàn diện, bị hạn chế bởi cách nhìn cũ, tư duy cũ về văn hóa, về chức năng, nhiệm vụ của văn hóa, chưa theo kịp tư duy đổi mới và thực tiễn yêu cầu cách mạng của giai đoạn đất nước thống nhất, hòa bình và tập trung vào xây dựng đất nước. Nhiệm vụ của văn hóa có thiên hướng nặng về tuyên truyền, cổ động giống như thời chiến. Nội dung lớn về xây dựng con người Thủ đô không được làm rõ, chỉ dừng lại ở khẩu hiệu “xây dựng con người mới”

mà không rõ nội hàm con người mới cần có phẩm chất gì? Tiêu chí, tiêu chuẩn cần xây dựng con người mới như thế nào?! Hệ giá trị cũ “công, dung, ngôn, hạnh”, “tam cương, ngũ thường”, “hiếu, đễ, phu thê, bằng hữu” không còn phù hợp với hoàn cảnh mới, xã hội mới. Tuy nhiên, hệ giá trị mới chưa được định hình rõ ràng, nhất là hệ giá trị gia đình Thủ đô, con người Thủ đô cũng chưa được nhận thức đầy đủ về ý nghĩa, vai trò của nó trong xây dựng văn hóa mới! Những hạn chế về nhận thức này cùng với những khó khăn về kinh tế và đối ngoại của đất nước sau chiến tranh làm cho việc xây dựng và phát triển văn hóa Thủ đô Hà Nội giai đoạn trước đổi mới (1975 - 1986) chưa có dấu ấn mạnh mẽ như thời chiến tranh chống Mỹ, cứu nước.

## **1.2. Thời kỳ Đổi mới (từ năm 1986 đến nay)**

### ***1.2.1. Nhận thức về vị trí, vai trò của văn hóa Thủ đô Hà Nội***

Trong cuốn sách Đổi mới và Văn hóa, cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã khẳng định: Đổi mới là văn hóa. Và sự thực là công cuộc Đổi mới có tác động to lớn đến sự phát triển văn hóa

trong đó có văn hóa Thủ đô Hà Nội. Tuy nhiên, quy luật phát triển văn hóa cho thấy nhịp thay đổi của văn hóa không cùng nhịp với phát triển kinh tế. Thêm vào đó, chúng ta chủ trương tập trung đổi mới kinh tế trong thời kỳ đầu đổi mới với phương châm kinh tế đi trước một bước. Chính vì thế, các văn bản của Thành ủy Hà Nội về văn hóa trước năm 1995 vẫn chưa thể hiện rõ tinh thần đổi mới tư duy có tầm chiến lược trong phát triển văn hóa. Trong văn kiện Đại hội Đảng bộ thành phố Hà Nội khóa X (tháng 10 năm 1986) vẫn coi văn hóa như một “công tác” quan trọng trong các công tác cần triển khai: “*Công tác văn hóa, văn nghệ có vị trí rất quan trọng trong việc xây dựng con người mới XHCN, phải nâng cao toàn diện cả quy mô và chất lượng nghệ thuật. Sinh hoạt văn hóa công cộng và hoạt động văn hóa nghệ thuật ở Thủ đô phải phấn đấu để làm kiểu mẫu cho các địa phương...*”. Nhấn mạnh vai trò tiên phong, vị trí hàng đầu, trung tâm của văn hóa cả nước là hoàn toàn đúng đắn, nhưng “*phấn đấu để làm kiểu mẫu cho các địa phương*” là nhận thức cũ về văn hóa. Nhận thức mới về đa dạng văn hóa

rộng lớn hơn, mỗi vùng miền, mỗi địa phương đều có văn hóa với bản sắc riêng cần gìn giữ và phát huy. Phải đến năm 1993, với Nghị quyết 4, trung ương Đảng khóa VII (14/1/1993) về một số nhiệm vụ của văn hóa văn nghệ những năm trước mắt, những quan điểm đổi mới cơ bản về văn hóa mới được khẳng định: “*Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, một động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, một mục tiêu của CNXH*”. Đảng ta khẳng định: “*Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*”. Với tư duy đổi mới như thế, văn hóa không chỉ là một “công tác” với những hoạt động phong trào mang tính nghiệp vụ mà là một lĩnh vực quan trọng, một bộ phận cấu thành xã hội hiện đại, không chỉ ngang với kinh tế mà còn là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, là nền tảng tinh thần xã hội. Với tinh thần ấy, Thành ủy Hà Nội xác định mục tiêu: “*Xây dựng văn hóa, văn nghệ Thủ đô xứng đáng vị trí trung tâm đầu não của cả nước. Phát huy tiềm năng sáng tạo trên cơ sở kế thừa và tiếp thu văn hóa truyền thống dân tộc, tinh hoa văn hóa thế giới... Xây dựng người Hà Nội văn*

*minh - thanh lịch có trí tuệ, đạo đức, nhân cách tốt đẹp”.*

Rõ ràng nhận thức về văn hóa Thủ đô Hà Nội thể hiện rõ tư duy đổi mới. Muốn xây dựng văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc thì nhất thiết phải kế thừa văn hóa truyền thống và tiếp thu tinh hoa văn hóa thế giới. Đặc biệt, việc xây dựng người Hà Nội văn minh - thanh lịch đã chính thức được nhấn mạnh. Tuy nhiên, phải sau Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII về văn hóa, nhận thức trong toàn Đảng và Thành ủy Hà Nội về văn hóa mới thực sự đạt tới tầm kích của sự nghiệp đổi mới. Ngay những dòng đầu tiên của Nghị quyết đã thể hiện tầm nhìn chiến lược của Đảng về văn hóa: “Văn hóa Việt Nam là thành quả hàng ngàn năm lao động sáng tạo, đấu tranh kiên cường dựng nước và giữ nước của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, là kết quả giao lưu và tiếp thu tinh hoa của nhiều nền văn minh thế giới để không ngừng hoàn thiện mình. Văn hóa Việt Nam đã hun đúc nên tâm hồn, khí phách, bản lĩnh Việt Nam, làm rạng rỡ lịch sử vẻ vang của dân tộc”.

Như vậy văn hóa không chỉ là “công tác cờ đèn kèn trống” mà là một lĩnh

vực hết sức quan trọng, là hồn cốt của dân tộc, là bản lĩnh, là khí phách đảm bảo sự trường tồn và phát triển của đất nước với lịch sử hàng ngàn năm! Văn hóa của Thăng Long - Hà Nội ngàn năm văn hiến chắc chắn có vai trò, vị trí xứng đáng trong lịch sử rạng ngời đó! Với nhận thức đổi mới và có tầm chiến lược như vậy, dòng đầu của thành tựu văn hóa được nêu không phải là thành tích hoạt động mà là “*Tư tưởng, đạo đức, lối sống là những lĩnh vực then chốt của văn hóa đã có những chuyển biến quan trọng*”.

Trên cơ sở tư duy chiến lược về văn hóa như vậy, Nghị quyết đã chỉ ra những quan điểm chỉ đạo cơ bản: “1. Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; 2. Nền văn hóa mà chúng ta xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; 3. Nền văn hóa Việt Nam là nền văn hóa thống nhất mà đa dạng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam; 4. Xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, trong đó đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng; 5. Văn hóa là một mặt trận, xây dựng, phát triển văn hóa là một sự nghiệp cách

*mạng lâu dài, đòi hỏi phải có ý chí cách mạng và sự kiên trì thận trọng”.*

Có thể nói, Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII của Đảng như là cánh cửa Đổi mới nhận thức về văn hóa trong thời kỳ chuyển đổi từ nền kinh tế tập trung, quan liêu, bao cấp sang nền kinh tế thị trường định hướng XHCN. Quan điểm xuyên suốt của Đảng là đề cao vị trí, vai trò của văn hóa vẫn không thay đổi, nhưng cách nhìn nhận, tiếp cận văn hóa có những ĐỔI MỚI RẤT CƠ BẢN. Quan điểm “văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội” nâng tầm nhận thức chiến lược về văn hóa, định hướng đúng đắn cho những người làm văn hóa tư duy sâu sắc hơn, rộng lớn hơn về văn hóa và đặc biệt hiểu được “xây dựng văn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo” với ý nghĩa nhân dân là chủ sáng tạo và hưởng thụ văn hóa, mọi hoạt động đều trên cơ sở nhận thức đúng đắn đó. Khẳng định “*Nền văn hóa Việt Nam là nền văn hóa thống nhất mà đa dạng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam*” có ý nghĩa định hướng phát triển văn hóa Việt Nam giàu bản sắc,

đủ sức “chống chịu va đập của kinh tế thị trường”, hơn thế, có năng lực chủ động, bản lĩnh trong mở cửa, hội nhập để tiếp thu tinh hoa văn hóa thế giới. Quan điểm này nhất quán với mục tiêu “xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”. Như vậy có thể hiểu các quan điểm về văn hóa của Đảng thể hiện trong Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII không phải là những quan điểm để rời rạc mà là những quan điểm lớn có quan hệ biện chứng, mật thiết với nhau, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn hết sức sâu sắc. Quan điểm “làm cho văn hóa thấm sâu vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội” có thể còn nhiều người chưa hiểu hết ý nghĩa sâu xa của quan điểm này nên mới khó khăn đẩy lùi tham nhũng, tiêu cực như hiện nay! Về Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII có thể còn cần nghiên cứu sâu hơn nhân dịp nào đó. Nay xin trở về với ý nghĩa của nó đối với nhận thức vị trí, vai trò văn hóa Thủ đô Hà Nội.

Tại Hội nghị toàn quốc về Văn hóa, Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng khẳng định: “Văn hóa còn, dân tộc còn”. Năm 2022, Tổng bí thư đã trực tiếp chủ trì hội nghị Bộ chính trị làm việc với lãnh đạo Hà Nội và ban hành Nghị quyết Bộ

chính trị Trung ương Đảng khóa XIII về Thủ đô Hà Nội, ngày 5/5/2022. Nghị quyết khẳng định: “*Phát triển Thủ đô Hà Nội “Văn hiến - Văn minh - Hiện đại” là nhiệm vụ chính trị quan trọng đặc biệt trong chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*”. Khẳng định một lần nữa đề cao vai trò trung tâm đầu não về chính trị, kinh tế và văn hóa của Thủ đô Hà Nội. Trong các nhiệm vụ và giải pháp, Nghị quyết nhấn mạnh: “*Tập trung phát triển văn hóa Thủ đô xứng tầm với truyền thống nghìn năm Thăng Long - Hà Nội. Xây dựng văn hóa thực sự là trung tâm hội tụ, kết tinh văn hóa của cả nước, trở thành nguồn lực phát triển mới của Thủ đô*”. Điều đó khẳng định vị trí, vai trò đặc biệt của văn hóa Thủ đô Hà Nội.

Quán triệt sâu sắc Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII, tinh thần Hội nghị toàn quốc về văn hóa và Nghị quyết của Bộ Chính trị về phát triển Thủ đô, Thành ủy Hà Nội đã ra nhiều chỉ thị nghị quyết về văn hóa. Chúng tôi đặc biệt quan tâm đến Nghị quyết 09 về phát triển công nghiệp văn hóa của Hà Nội. Rõ ràng, với nhận thức và hành động này, Hà Nội khẳng định vai trò tiên phong của mình trong lĩnh vực

văn hóa. Có thể nói, không ở nơi nào thuận lợi để phát triển công nghiệp văn hóa hơn Thủ đô Hà Nội, nơi có gia tài khổng lồ văn hóa truyền thống ngàn năm văn hiến, nơi tập trung đông đảo nhất trí thức, văn nghệ sĩ của cả nước... Rõ ràng nhận thức về văn hóa của Đảng có tác động sâu sắc đến nhận thức của Thành ủy Hà Nội về vai trò và vị trí của văn hóa Thủ đô Hà Nội. Mới đây, Thường vụ Thành ủy Hà Nội ban hành Chỉ thị số 30/ CT-TU về Xây dựng người Hà Nội thanh lịch - văn minh là tiếp nối những việc làm có tính chiến lược về văn hóa trong nhiều năm, đồng thời thể hiện nhận thức và quyết tâm hành động của Đảng bộ về việc làm có ý nghĩa to lớn này. Dòng mở đầu Chỉ thị khẳng định: “*Lịch sử văn hóa hơn 1000 năm Thăng Long - Hà Nội hun đúc nên giá trị, cốt cách người Hà Nội thanh lịch, văn minh*”. Ngắn gọn như vậy nhưng đã thông điệp một cách rõ ràng rằng, con người là nội dung quan trọng bậc nhất của văn hóa, phát triển văn hóa vì con người, phát triển con người để phát triển văn hóa. Chỉ thị yêu cầu tất cả các cấp ủy Đảng, chính quyền và các đoàn thể trong toàn thành phố phải triển

khai mạnh mẽ Chỉ thị bằng các giải pháp phù hợp với từng quận, huyện trong toàn Thành phố. Sự đánh giá nghiêm khắc, sâu sắc trong Chỉ thị về những tồn tại yếu kém là thông điệp mạnh mẽ về quyết tâm chính trị của thành ủy, đồng thời thể hiện nhận thức sâu sắc về vai trò của văn hóa Thủ đô Hà Nội. Chỉ thị nêu: “Việc xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh chưa đáp ứng yêu cầu, chưa đi vào thực chất, bền vững, còn bộc lộ nhiều hạn chế yếu kém. Việc thực hiện 02 quy tắc ứng xử, nhất là ứng xử nơi công cộng chưa có chuyển biến mạnh mẽ. Trong nhận thức, một số cấp ủy Đảng, chính quyền, trước hết là người đứng đầu còn xem nhẹ giá trị văn hóa, giá trị con người Hà Nội trong phát triển mọi mặt đời sống xã hội, còn thiên về các giá trị kinh tế, chưa chú ý tới nhân tố văn hóa và con người trong xây dựng và thực hiện các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dẫn đến tình trạng phá vỡ không gian kiến trúc, xâm hại di sản văn hóa, biến dạng cảnh quan đô thị và nông thôn. Những hành vi ứng xử thiếu văn hóa với môi trường thiên nhiên, môi trường xã hội, những biểu hiện lệch lạc trong văn hóa gia đình, văn hóa học

đường, văn hóa nơi công cộng, thái độ sùng bái đồng tiền, lối sống hưởng thụ, buông thả, không chú trọng xây dựng thế hệ tương lai, tình trạng suy thoái tư tưởng, đạo đức, lối sống, đặc biệt là trong một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa được ngăn chặn đẩy lùi, có nguy cơ làm mai một vẻ đẹp thanh lịch, hào hoa của người Hà Nội, hạn chế tinh thần tận tâm, tận lực cống hiến xây dựng Thủ đô”.

Nhìn tổng thể, chúng ta có thể thấy nhận thức về vị trí, vai trò của văn hóa Thủ đô Hà Nội đã có bước tiến dài so với thời kỳ trước Đổi mới, mặc dù nếu xét hình thức thì vị trí trung tâm, vai trò tiên phong của văn hóa Thủ đô Hà Nội vẫn không có gì thay đổi. Vấn đề là nhận thức văn hóa Thủ đô hun đúc nên giá trị, cốt cách con người Thủ đô ngàn năm văn hiến, văn hóa trong phát triển bền vững... trong quy hoạch và xây dựng, trong ứng xử với môi trường tự nhiên và môi trường xã hội, quán triệt mục tiêu của Đảng xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc... đã được nâng lên ở tầm cao mới, có khả năng đáp ứng yêu cầu sự nghiệp Đổi mới trong giai đoạn mở cửa, hội nhập ngày càng sâu rộng



của Việt Nam trước một thế giới nhiều cơ hội mà cũng không ít thách thức, khó lường!

### **1.2.2. Những thành tựu của văn hóa Thủ đô Hà Nội**

Với nhận thức về văn hóa nói chung và văn hóa Thủ đô Hà Nội nói riêng có bước đổi mới rất cơ bản từ Trung ương đến các địa phương, trong đó có Thủ đô Hà Nội, văn hóa đã có vị trí mới trong phát triển bền vững. Riêng Hà Nội, trước, trong và sau kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội là dịp văn hóa được đặc biệt quan tâm nên cũng có những thành tựu đáng ghi nhận.

Về bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể: Đã trùng tu, chống xuống cấp hàng trăm di sản vật thể là đình, chùa, đền, miếu... trong đó có những ngôi chùa cổ kính như chùa Một Cột, chùa Liên Phái, chùa Kim Liên, chùa Vua, chùa Hương, đình Tây Đằng, đình Bạch Trữ... nhất là Văn Miếu - Quốc Tử giám với việc xây dựng mới khu Thái học trên cơ sở nhận thức mới trong bảo tồn và phát huy giá trị di sản. Nhiều năm nay, sau khi xây khu Thái học, Trung tâm văn hóa, khoa học Văn miếu - Quốc tử giám đã phát huy hiệu

quả giá trị di sản văn hóa trong đời sống đương đại, không chỉ góp phần nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân mà còn minh chứng sinh động cho nhận thức “văn hóa vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển. Mỗi năm, Văn miếu - Quốc tử giám thu nộp ngân sách vài chục tỷ đồng, là điểm đến hấp dẫn cho du khách trong và ngoài nước, góp phần phát triển du lịch, dịch vụ và thương mại. Di tích Nhà tù Hỏa lò hàng năm cũng thu hàng chục tỷ đồng. So với phần lớn di tích đã cho thuê sẽ thấy nếu nhận thức đúng, vận dụng tốt, nhận thức kinh tế trong văn hóa không chỉ là chuyện lý thuyết của mấy nhà nghiên cứu. Hiện giờ, Hoàng Thành Thăng Long cũng đang có những bước đi đúng đắn theo nhận thức này! Chúng tôi đánh giá cao thành tựu này của văn hóa Hà Nội không phải số lượng việc đã làm mà là hướng đi đúng đắn và hiệu quả!

Phố đi bộ và những trải nghiệm đêm Hà Nội đã làm cho Hà Nội sinh động và phong phú. Hà Nội không chỉ có “ăn tối rồi nước” mà còn nhiều hơn thế, đó là đời sống hơn một nửa của con người là thời gian rảnh rỗi. Văn hóa phải “lấp

đầy” một cách thú vị cho thời gian này để con người, nhất là giới trẻ không bị lâm vào thế “bế tắc” khi thiếu điều kiện vui chơi, giải trí. Chủ trương này được cộng đồng nhiệt liệt hưởng ứng, minh chứng cho sự đổi mới đúng đắn và hiệu quả về nhận thức và hành động của văn hóa Thủ đô Hà Nội.

Việc xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh là sự kế thừa và phát huy có hiệu quả những cố gắng của giai đoạn trước, nhằm khắc phục những tồn tại, yếu kém, đồng thời đưa ra những giải pháp mới đồng bộ và hiệu quả. Ban hành hai bộ quy tắc ứng xử văn hóa thể hiện sự tiên phong của văn hóa Hà Nội, góp phần thiết thực, cụ thể trong xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh. Chỉ thị số 30/CT-TU ngày 19/2/2024 của Thành ủy khẳng định quyết tâm cao của Hà Nội về vấn đề có tính chiến lược này. **Việc xây dựng con người và văn hóa ứng xử với môi trường xã hội được quan tâm và có kết quả tích cực trong nhận thức và hành động được coi là một thành tựu.**

Văn hóa ứng xử với môi trường thiên nhiên cũng có những tiến bộ đáng ghi nhận. Việc kè cặp ổn định

xung quanh hồ Tây, sông Tô Lịch, sông Lừ, sông Sét... cùng với việc trồng cây bóng mát và cây cảnh quan cùng với đèn chiếu sáng đô thị thực sự góp phần làm cho Hà Nội xanh - sạch - đẹp hơn. Những đường cây nở hoa của Hội Phụ nữ, những con đường tự quản những cá nhân, tổ chức tự nguyện làm sạch môi trường tuy chưa khắc phục triệt để tình trạng ô nhiễm nhưng cũng đánh dấu nhận thức của cả cộng đồng về văn hóa ứng xử với môi trường thiên nhiên của cả cộng đồng. Mặc dù còn quá nhiều việc phải làm nhưng **kết quả bước đầu trong nhận thức và hành động với môi trường thiên nhiên ghi nhận tiến bộ của văn hóa Hà Nội.**

Văn hóa đọc được quan tâm với nhiều hoạt động đáng ghi nhận. Tủ sách Thăng Long với hàng trăm nhà khoa học tham gia, với hàng nghìn đầu sách có giá trị về văn hóa, lịch sử Thăng Long - Hà Nội ngàn năm văn hiến được Nhà xuất bản Hà Nội xuất bản, Bộ Bách khoa thư Hà Nội được Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản khẳng định sự đóng góp lớn của trí thức Thủ đô và cả nước, là thành tựu văn hóa Hà Nội trong Đổi mới.

Văn hóa nghệ thuật Hà Nội thể hiện sự tiên phong của văn hóa Hà Nội. Những vở diễn như “Tôi và chúng ta”, “Nàng Sita”, những phim truyền hình nhiều tập “Người phán xử” và nhiều tác phẩm khác được đông đảo khán giả hâm mộ bởi những tài năng xuất chúng của nghệ sĩ Thủ đô: NSND Hoàng Dũng, NSND Quốc Chiêm, NSND Thu Hà, NSND Minh Hòa, NSND Trung Hiếu... Không chỉ khẳng định vị trí văn hóa nghệ thuật hàng đầu của văn hóa Hà Nội mà còn khẳng định văn hóa nhận thức, văn hóa tư tưởng góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. **Văn hóa nghệ thuật Thủ đô Hà Nội góp phần hiện thực hóa mục tiêu nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân, đồng thời là minh chứng sinh động trong thực tiễn quan điểm văn hóa là động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển.**

Điểm một vài thành tựu cơ bản của văn hóa Thủ đô Hà Nội thời kỳ Đổi mới (1986 - 2025) chúng ta có thể đánh giá Văn hóa Thủ đô Hà Nội có tiến bộ về chất cả trong nhận thức cũng như trong hoạt động thực tiễn. Chính điều đó đã tạo ra những thành tựu đáng ghi nhận như đã nêu ở trên,

đồng thời còn cho phép chúng ta tin tưởng vào những thành tựu lớn hơn trong thời gian tới. Những khuyết điểm, yếu kém sẽ được khắc phục, làm cho Văn hóa Thủ đô Hà Nội thực sự là trung tâm văn hóa cả nước.

### **1.3 Một số kiến nghị**

Tiếp tục triển khai sâu sắc hơn, hiệu quả thực chất hơn chương trình xây dựng người Hà Nội thanh lịch văn minh, chương trình bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Thăng Long - Hà Nội ngàn năm văn hiến, trong đó có việc cụ thể: xây dựng đền thờ Đức Vương Ngô Quyền ở Cổ Loa, Điện Kính thiên trong Hoàng Thành.

Phê duyệt và triển khai Quy hoạch Hà Nội đặc biệt quan tâm yếu tố văn hóa như là chìa khóa để khắc phục yếu kém cũ, tạo động lực phát triển mới.

Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng, tuyển chọn đội ngũ cán bộ văn hóa Thủ đô, đồng thời khai thác có hiệu quả (không chỉ mời gặp gỡ xã giao) đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ đông đảo của Hà Nội và Trung ương trên địa bàn Hà Nội góp phần xây dựng văn hóa Thủ đô Hà Nội ngày càng phát triển bền vững, xứng tầm là trung tâm văn hóa của một Việt Nam phát triển vào năm 2045 ■

# PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA “BỘ ĐỘI CỤ HỒ” TRONG XÂY DỰNG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM TINH, GỌN, MẠNH, TIẾN LÊN HIỆN ĐẠI

● Thiếu tướng, PGS, TS, NGND NGUYỄN BÁ DƯƠNG

**G**ia trị cốt lõi của văn hóa “Bộ đội Cụ Hồ” là phẩm chất nhân cách người quân nhân cách mạng: “Bộ đội Cụ Hồ” - Một nét đẹp đặc trưng, đặc sắc của văn hóa quân sự Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh, là sản phẩm riêng có, vô cùng độc đáo của Quân đội cách mạng được mang tên lãnh tụ kính yêu: Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đây là một hiện tượng văn hóa quân sự độc đáo của dân tộc Việt Nam, trên thế giới hiếm có một quân đội nào lại có niềm vinh dự, tự hào là được mang tên lãnh tụ - Người sáng lập, tổ chức, giáo dục và rèn luyện đội quân cách mạng trọn đời vì nước, vì dân là Quân đội nhân dân Việt Nam; cũng hiếm có người lính của quân đội nào lại gọi Bác Hồ là

Người Cha thân yêu của các lực lượng vũ trang nhân dân; tuyệt đối trung thành và tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, Bác Hồ; trọn đời “phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân”, “vì nhân dân phục vụ” như Quân đội nhân dân Việt Nam. Đây là những giá trị văn hóa đặc sắc, kết tinh thành phẩm giá, nhân cách, hình ảnh, hình tượng “Bộ đội Cụ Hồ” - Bộ đội của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân, từ Nhân dân mà ra vì Nhân dân mà chiến đấu.

“Bộ đội Cụ Hồ” là tên gọi triu mến, thân thương, rất đỗi tự hào, gắn gũi mà Nhân dân tin yêu, dành tặng cán bộ, chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam từ trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược; được tôn vinh, lan tỏa mạnh mẽ trong sự

nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Đây là một danh hiệu cao quý, niềm vinh dự, tự hào của mỗi quân nhân được mang tên Bác Hồ - Chủ tịch Hồ Chí Minh - Lãnh tụ kính yêu - Người Cha già dân tộc.

Đồng thời, là sự phản ánh cô đọng nhất, sâu sắc nhất bản chất, truyền thống tốt đẹp về Quân đội anh hùng của dân tộc anh hùng. Trong đó, phát huy, lan tỏa giá trị văn hóa “Bộ đội Cụ Hồ” có vị trí, vai trò rất quan trọng trong xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam vững mạnh về chính trị, là cơ sở để xây dựng Quân đội tinh, gọn, mạnh, tiến lên hiện đại; làm cho Quân đội ta luôn là lực lượng chính trị tin cậy, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và Nhân dân; là công cụ bạo lực sắc bén của Đảng, Nhà nước; lực lượng nòng cốt trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với xây dựng, củng cố thể trận lòng dân, thể trận quốc phòng toàn dân và thể trận an ninh nhân dân vững chắc.

Rõ ràng là, lịch sử 80 năm xây dựng và phát triển, chiến đấu và chiến thắng của Quân đội ta đã bồi đắp, dựng nên

tượng đài văn hóa “Bộ đội Cụ Hồ”, tạo nên biểu tượng độc đáo, đặc sắc của văn hóa đánh giặc giữ nước - văn hóa quân sự dân tộc Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh. Có thể khẳng định giá trị văn hóa “Bộ đội Cụ Hồ” là nhân tố cốt lõi của đời sống văn hóa, tinh thần - xã hội, được các thế hệ cán bộ, chiến sĩ và Nhân dân cả nước sáng tạo, kết tinh trong quá trình xây dựng và đấu tranh cách mạng, trải qua 9 năm trường kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp và 21 năm chống đế quốc Mỹ xâm lược; được bồi đắp trong thực tiễn thực hiện nhiệm vụ quốc tế cao cả và bảo vệ Tổ quốc; phản ánh sâu sắc kết quả và kinh nghiệm thực hiện các chức năng nhiệm vụ là đội quân chiến đấu, đội quân công tác và là đội quân lao động sản xuất; đã tiếp thu, kế thừa tinh hoa văn hóa dân tộc và tinh hoa văn hóa thời đại, trải nghiệm và tích lũy lâu dài trong lịch sử phát triển bền bỉ, dẻo dai, chiến đấu dũng cảm, kiên cường, bất khuất và lập nên những chiến công hiển hách. Nhờ đó, đã hướng cán bộ, chiến sĩ và Nhân dân ta vươn tới đỉnh cao của khát vọng hòa bình - độc lập - tự do - ấm no - hạnh phúc; lan tỏa các giá trị “chân - thiện - mỹ” và sự tiến bộ

xã hội nhờ thái độ được kết quả, thành tựu của hơn 80 năm xây dựng và phát triển, chiến đấu và chiến thắng; tạo nên những giá trị trường tồn của dân tộc trong thời đại mới. Nhấn mạnh điều này, đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã đúc kết: “Văn hóa là hồn cốt của Dân tộc, nói lên bản sắc của Dân tộc. Văn hóa còn thì Dân tộc còn”<sup>1</sup>.

Tuy cách tiếp cận có khác nhau, song về cơ bản, các nhà khoa học đều nhất trí khẳng định: Giá trị văn hóa “Bộ đội Cụ Hồ” là sự kết tinh, hội tụ những gì là tốt đẹp nhất, mang giá trị độc đáo, đặc sắc của văn hóa dân tộc Việt Nam, hòa quyện với tinh hoa văn hóa phương Đông, phương Tây; hàm chứa những giá trị đặc trưng tiêu biểu của văn hóa đánh giặc giữ nước và những giá trị văn hóa chính trị - đạo đức của dân tộc Việt Nam, phản ánh những chuẩn mực đạo đức, văn hóa của người quân nhân cách mạng với các phẩm chất đặc trưng: trung với nước, hiếu với dân; tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và Nhân dân, sẵn sàng nhận và hoàn thành mọi nhiệm vụ mà Đảng, Nhà nước và Nhân dân giao phó...; đã

hun đúc, xây đắp nên biểu tượng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh. Giá trị văn hóa “Bộ đội Cụ Hồ” hàm chứa những thành tố cốt lõi mang chuẩn mực đạo đức cách mạng của người quân nhân cách mạng trọn đời vì nước vì dân.

Lịch sử gần 80 năm xây dựng, chiến đấu, chiến thắng và trưởng thành của Quân đội ta đồng thời là lịch sử của quá trình hình thành, phát triển và lan tỏa các giá trị văn hóa “Bộ đội Cụ Hồ” bởi ngay từ khi mới ra đời, người quân nhân cách mạng đã thấm thấu sâu sắc những lời dạy của Bác Hồ, đã phấn đấu thực hiện tốt 10 lời thề danh dự của quân nhân và 12 điều kỷ luật “thép” mà Đảng, Bác Hồ, Nhân dân dành cho quân đội. Đó là sự kết hợp nhuần nhuyễn, hài hòa lịch sử truyền thống đánh giặc giữ nước của ông cha và những thuộc tính bản chất của quân đội cách mạng kiểu mới, đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng Cộng sản Việt Nam, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động; lấy mục tiêu, lý tưởng của Đảng, Bác Hồ làm



lẽ sống, cống hiến. Nhờ đó, Quân đội ta luôn xứng đáng với niềm tin yêu, sự kỳ vọng của Đảng, Nhà nước và Nhân dân. Điều đó hoàn toàn song trùng và phù hợp với hệ chuẩn giá trị văn hóa - đạo đức “Bộ đội Cụ Hồ”, xứng đáng với lời khen tặng của Bác: “Quân đội ta trung với Đảng, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội. Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng”<sup>2</sup>.

Cùng với toàn Đảng, toàn dân, cán bộ, chiến sĩ Quân đội ta đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, đem lại cuộc sống hòa bình, độc lập, tự do, ấm no, hạnh phúc cho Nhân dân; được Nhân dân tin yêu, giúp đỡ; bạn bè quốc tế ghi nhận, đánh giá cao.

Vì lẽ đó, giá trị văn hóa “Bộ đội Cụ Hồ” luôn có vị trí, vai trò rất quan trọng trong đời sống văn hóa, tinh thần xã hội Việt Nam, đã, đang phát huy tốt vai trò, tác dụng trong xây dựng quân đội tinh, gọn, mạnh, tiến

lên hiện đại, góp phần tạo nên bản sắc truyền thống văn hóa Quân đội ta, văn hóa “Bộ đội Cụ Hồ”; là nguồn sức mạnh tinh thần to lớn, động lực mạnh mẽ thôi thúc cán bộ, chiến sĩ Quân đội ta rèn đức, luyện tài, phấn đấu hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ mà Đảng, Nhà nước và Nhân dân giao phó, xứng đáng với danh hiệu cao quý “Bộ đội Cụ Hồ”, bộ đội của Nhân dân. Vì vậy, giữ gìn, lan tỏa và không ngừng phát huy giá trị văn hóa “Bộ đội Cụ Hồ” trong xây dựng quân đội tinh, gọn, mạnh, tiến lên hiện đại, đáp yêu cầu nhiệm vụ củng cố quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới là niềm vinh dự, tự hào và là trách nhiệm cao cả thiêng liêng của cán bộ, chiến sĩ Quân đội ta.

Thực tiễn cách mạng Việt Nam khẳng định phẩm chất nhân cách, hình ảnh và hình tượng “Bộ đội Cụ Hồ” là những giá trị vĩnh hằng, đã đi vào lịch sử cách mạng, thấm sâu vào trái tim, khối óc mỗi người dân Việt Nam yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội; trở thành giá trị văn hóa nghệ thuật đặc trưng tiêu biểu, phản ánh hồn cốt, phong cách, bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam trong xây dựng quân đội

cách mạng của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân, vững bước tiến lên chính quy, hiện đại...

Giá trị văn hóa người quân nhân cách mạng không chỉ là sự kết tinh, tỏa sáng phẩm chất, hình ảnh “Bộ đội Cụ Hồ” trong đời sống tinh thần - xã hội và trong công tác đảng, công tác chính trị mà còn là sự đúc kết, khái quát và nâng lên tầm cao trí tuệ, nhân cách người lính Cụ Hồ vì nước vì dân, trở thành giá trị đặc sắc, độc đáo của văn hóa “Bộ đội Cụ Hồ” trọn đời vì nước, vì dân - một tài sản văn hóa riêng có,

rất đổi thiêng liêng, rất đáng tự hào, thấm sâu vào từng thành tố xây dựng quân đội tinh, gọn, mạnh, tiến lên hiện đại trong thời kỳ mới. Trong đó, những nét riêng có, phản ánh tập trung nhất, cô đọng nhất bản sắc truyền thống văn hóa đánh giặc giữ nước của dân tộc Việt Nam; sự hòa quyện nhuần nhuyễn giữa tính dân tộc và tính giai cấp; tính truyền thống và tính hiện đại trong việc tô rèn bản lĩnh chính trị, trí tuệ và phẩm chất nhân cách “Bộ đội Cụ Hồ” thời cách mạng công nghiệp 4.0. Đồng thời,



*Bộ đội Cụ Hồ đồng hành cùng người dân trong xây dựng kinh tế*  
\_Ảnh: suckhoedoison.gov.vn

phản ánh đầy đủ, sâu sắc giá trị văn hóa nhân văn của đội quân cách mạng do Đảng ta và Bác Hồ sáng lập với sự kết hợp nhuần nhuyễn bản sắc văn hóa dân tộc với tính tiến tiến, hiện đại và tính đại chúng của nền khoa học, công nghệ mới.

Như vậy, biểu hiện đặc trưng của nét đẹp văn hóa “Bộ đội Cụ Hồ” thời kỳ mới là sự kết hợp hài hòa, chặt chẽ giữa chuẩn mực giá trị văn hóa, đạo đức của dân tộc với các tiêu chí khoa học, công nghệ của người quân nhân cách mạng trong thời kỳ mới. Điều đó thể hiện sâu sắc tính thực tiễn, tính khoa học trong xây dựng quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; ưu tiên một số quân chủng, binh chủng, lực lượng tiến thẳng lên hiện đại; thể hiện ở các thuộc tính, các phẩm chất mới về: yêu nước, thương dân, kiên định, tận tụy, anh dũng, tiên tiến, hiện đại; không ngại khó khăn, gian khổ, sẵn sàng nhận và hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao; tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước, Nhân dân và chế độ; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội;

vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; ra sức học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách của Người, để “Phát huy truyền thống, cống hiến tài năng, xứng danh Bộ đội Cụ Hồ thời kỳ mới”...

Những giá trị tốt đẹp về phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ” thể hiện nhất quán và xuyên suốt 80 năm bách chiến bách thắng của Quân đội ta, dù trong thời chiến hay thời bình, cũng như trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ là đội quân chiến đấu, đội quân công tác hay đội quân lao động sản xuất, lúc thuận lợi cũng như lúc gặp khó khăn, gian khổ, hiểm nguy; ở biên cương, vùng sâu, vùng xa hay ở trên các vùng biển, đảo của Tổ quốc. Vì vậy, phát huy, lan tỏa giá trị văn hóa “Bộ đội Cụ Hồ” là việc làm cần thiết, một nhiệm vụ đặc biệt quan trọng trong xây dựng quân đội vững mạnh về chính trị, góp phần tạo nên những chiến công hiển hách và lan tỏa sâu rộng hình ảnh, phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ” trong lòng nhân dân, được Đảng, Nhà nước và Nhân dân tin yêu, đùm bọc; bạn bè quốc tế ngưỡng mộ, đánh giá cao. Đó là những giá trị bền vững, đã và đang

hiện diện, tạo nên bản chất, truyền thống tốt đẹp của Quân đội nhân dân Việt Nam; bổ sung, làm phong phú, sâu sắc thêm giá trị văn hóa dân tộc Việt Nam thời đại mới.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, của Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng và của cấp ủy, tổ chức đảng các cấp trong toàn quân, cán bộ, chiến sĩ Quân đội ta đã phát huy tốt những giá trị văn hóa “Bộ đội Cụ Hồ” trong rèn luyện phấn đấu, luôn đứng vững “nơi đầu sóng ngọn gió”, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao. Nhiều cơ quan, đơn vị đã trở thành cái nôi nuôi dưỡng phong trào thi đua yêu nước, là mẫu hình về sự lan tỏa giá trị văn hóa “Bộ đội Cụ Hồ” trong lòng nhân dân, góp phần xây dựng Quân đội ta vững mạnh về chính trị và phát triển nhân cách con người mới xã hội chủ nghĩa trong lực lượng vũ trang.

Tuy nhiên, do tác động, ảnh hưởng của tình hình thế giới, khu vực và trong nước, nhất là sự tác động từ mặt trái của cơ chế thị trường; âm mưu, thủ đoạn, hoạt động “diễn biến hòa bình”, thúc đẩy “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, “phi chính trị hóa” quân đội của các thế lực thù địch, một số ít

cán bộ, chiến sĩ chưa nhận thức đầy đủ, sâu sắc trách nhiệm của quân nhân trong giữ gìn, phát huy giá trị văn hóa “Bộ đội Cụ Hồ”; thiếu tự tin, tự giác trong rèn luyện, tu dưỡng, đã sa vào chủ nghĩa cá nhân, vi phạm pháp luật của Nhà nước, kỷ luật của Quân đội, phải xử lý hình sự. Điều đó gây ảnh hưởng đến uy tín, vị thế, phẩm chất nhân cách “Bộ đội Cụ Hồ”, làm phai mờ các giá trị văn hóa quân sự của người lính được mang tên Bác kính yêu.

Vì vậy, nhận diện đúng và kiên quyết đấu tranh phòng, chống chủ nghĩa cá nhân, mọi biểu hiện tiêu cực của nó trong tình hình hiện nay có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là vấn đề cấp bách, mang tính quy luật của việc phát huy các giá trị văn hóa “Bộ đội Cụ Hồ” trong xây dựng quân đội tinh, gọn, mạnh, nhất là việc tham mưu, đề xuất giải pháp phát huy giá trị văn hóa “Bộ đội Cụ Hồ” trong tình hình mới, trong điều kiện Quân đội thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 17/01/2022 của Bộ Chính trị về tổ chức Quân đội nhân dân Việt Nam giai đoạn 2021-2030 và những năm tiếp theo; Nghị quyết số 230 -

NQ/QUTW ngày 2/4-2022 của Quân ủy Trung ương về lãnh đạo thực hiện tổ chức Quân đội nhân dân Việt Nam giai đoạn 2021-2030 và những năm tiếp theo về xây dựng quân đội tinh, gọn, mạnh; tiến hành giải thể hoặc sáp nhập một số tổ chức, đơn vị; tinh giản biên chế, lực lượng; xây dựng một số đơn vị mới theo yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Vì vậy, phát huy giá trị văn hóa “Bộ đội Cụ Hồ” trở thành yêu cầu khách quan, động lực trực tiếp của Quân đội ta hiện nay; làm cho giá trị văn hóa “Bộ đội Cụ Hồ” thấm sâu và luôn tỏa sáng trong các hoạt động quân sự, trở thành di sản văn hóa

của quốc gia - dân tộc Việt Nam. Để đạt được mục tiêu đã xác định, toàn quân cần thực hiện tốt các giải pháp sau đây.

*Một là, tiếp tục nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, đội ngũ chính ủy, chính trị viên, cán*

*bộ chính trị, đảng viên và người chỉ huy trong phát huy, lan tỏa giá trị văn hóa “Bộ đội Cụ Hồ”, góp phần xây dựng quân đội tinh, gọn, mạnh, tiến lên hiện đại.*

Cấp ủy, tổ chức đảng, đội ngũ chính ủy, chính trị viên, cán bộ chính trị và người chỉ huy đơn vị cần tiếp tục quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các chủ trương của Đảng, chỉ thị, nghị quyết của Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng, hướng dẫn của Tổng cục Chính trị về việc xây dựng và phát triển văn hóa, con người mới xã hội chủ nghĩa góp phần xây dựng Quân đội tinh, gọn, mạnh, tiến lên hiện đại.

**Từ năm 2000 đến nay, hệ thống thiết chế văn hóa ở đô thị đã được chú trọng đầu tư nâng cấp, xây dựng và phát triển trên nhiều phương diện. Cơ sở vật chất ngày càng đầy đủ, đồng bộ. Việc xây dựng, hoàn thiện dần các thiết chế văn hóa góp phần quan trọng thúc đẩy các hoạt động văn hóa, nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa thể thao ở cơ sở.**

Tập trung quán triệt và tổ chức thực hiện tốt Kết luận số 01-KL/TW ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị khóa XIII về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị khóa XII về đẩy mạnh học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh;



Nghị quyết số 847-NQ/QUTW ngày 28/12/2021 của Quân ủy Trung ương về phát huy phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ”, kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân trong tình hình mới; trong đó, năm vững 5 đặc trưng cơ bản của phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ” thời kỳ mới mà Nghị quyết số 847-NQ/QUTW đã khái quát có ý nghĩa rất quan trọng.

Đồng thời, rà soát, bổ sung biện pháp thực hiện Kế hoạch số 1349/KH-CT ngày 15/8/2022 của Tổng cục Chính trị về thực hiện chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030 trong Quân đội nhân dân Việt Nam... Qua đó, có biện pháp xây dựng, củng cố niềm tin, ý chí quyết chiến quyết thắng cho cán bộ, chiến sĩ, giúp họ luôn có ước mơ, hoài bão, khát vọng phát triển, xây dựng cho mình mục tiêu, lý tưởng sống cao đẹp, có đóng góp tích cực trong việc giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa “Bộ đội Cụ Hồ” thời kỳ mới. Cùng với đó, tiếp tục lan tỏa sâu rộng những mô hình hay, cách làm mới, sáng tạo, gương người tốt, việc tốt; tập thể điển hình, tiên tiến trong xây dựng quân đội tinh, gọn, mạnh. Qua đó, góp phần nâng tầm

cao giá trị văn hóa “Bộ đội Cụ Hồ” và làm cho giá trị văn hóa “Bộ đội Cụ Hồ” trở thành di sản của quốc gia - dân tộc.

*Hai là, tiếp tục khơi dậy, lan tỏa phẩm chất, hình ảnh và phát huy giá trị văn hóa “Bộ đội Cụ Hồ” thời kỳ mới trong xây dựng Quân đội tinh, gọn, mạnh, tiến lên hiện đại.*

Đẩy mạnh nghiên cứu, đưa nội dung phát huy giá trị văn hóa “Bộ đội Cụ Hồ” vào trong các nghị quyết lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng, các kế hoạch công tác đảng, công tác chính trị hàng năm trong các nhiệm vụ. Xây dựng và đưa vào chương trình, kế hoạch nghiên cứu khoa học, bổ sung nội dung giảng dạy các môn học xã hội và nhân văn; đặc biệt là các môn học: Văn hóa học quân sự, Triết học về văn hóa, Công tác đảng, Công tác chính trị... Triển khai nghiên cứu một số đề tài, chuyên đề khoa học các cấp có liên quan đến phát huy phẩm chất và văn hóa của “Bộ đội Cụ Hồ” thời kỳ mới sát với đặc điểm, yêu cầu, nhiệm vụ cơ quan, đơn vị.

Sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học để biên soạn giáo trình, tập bài giảng, tài liệu học tập, viết và công bố



các bài báo khoa học; làm phong phú các chuyên trang, chuyên mục báo chí, phát thanh và truyền hình quân đội. Đồng thời, tổ chức xây dựng, dàn dựng chương trình biểu diễn và phổ biến các ca khúc, các tiết mục văn hóa nghệ thuật phục vụ nâng cao đời sống tinh thần của bộ đội và nhân dân bằng nhiều hình thức, bằng nhiều phương tiện. Qua đó, góp phần giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa “Bộ đội Cụ Hồ” thời kỳ mới. Đẩy mạnh công tác sơ kết, tổng kết việc phát huy các giá trị văn hóa “Bộ đội Cụ Hồ” gắn với việc làm tốt công thi đua, khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc tiêu biểu trong phát huy giá trị văn hóa “Bộ đội Cụ Hồ” thời kỳ mới.

*Ba là, tiếp tục thực hiện tốt Cuộc vận động “Phát huy truyền thống, cống hiến tài năng, xứng danh Bộ đội Cụ Hồ thời kỳ mới” gắn với việc đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động của toàn quân, toàn quốc và địa phương; tiếp tục xây dựng môi trường văn hóa quân sự lành mạnh*

Phát huy giá trị văn hóa “Bộ đội Cụ Hồ” trong xây dựng quân đội tinh, gọn, mạnh, tiến lên hiện đại thể hiện

ở kết quả thực hiện các tiêu chí về nâng cao chất lượng, hiệu quả triển khai thực hiện các thành tố, cấu trúc tạo nên giá trị văn hóa “Bộ đội Cụ Hồ” khi gắn chặt với việc thực hiện tốt Cuộc vận động “Phát huy truyền thống, cống hiến tài năng, xứng danh “Bộ đội Cụ Hồ” thời kỳ mới” và kết hợp chặt chẽ việc học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh thông qua cách làm hay, sáng tạo, phù hợp, hiệu quả của các cơ quan, đơn vị.

Yêu cầu khách quan của việc phát huy giá trị văn hóa “Bộ đội Cụ Hồ” trong xây dựng quân đội tinh, gọn, mạnh, tiến lên hiện đại là có nội dung mới, hình thức mới và phương thức giáo dục, tuyên truyền mới. Chất lượng, hiệu quả phát huy giá trị văn hóa “Bộ đội Cụ Hồ” trong xây dựng quân đội tinh, gọn, mạnh cần gắn chặt với việc đẩy mạnh phong trào Thi đua Quyết thắng và thực hiện hiệu quả các cuộc vận động của Đảng, Nhà nước, của cơ quan, đơn vị, tạo chuyển biến mạnh mẽ về ý thức, trách nhiệm trong việc tu dưỡng, rèn luyện, nâng cao đạo đức cách mạng, đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, ngăn chặn,

đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; làm cho giá trị văn hóa “Bộ đội Cụ Hồ” trở thành niềm tin, lẽ sống, phương châm hành động của cán bộ, chiến sĩ toàn quân. Đồng thời, nâng cao chất lượng xây dựng môi trường văn hóa quân sự lành mạnh, phòng, chống có hiệu quả tác động tiêu cực từ mặt trái cơ chế thị trường, của toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế<sup>3</sup>.

Tiếp tục thực hiện cuộc vận động xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh ở đơn vị; chú trọng rà soát, bổ sung và cụ thể hóa mô hình, tiêu chí “đơn vị văn hóa” phù hợp với đặc điểm của đơn vị gắn với thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” ở địa phương.

Triển khai thực hiện hiệu quả Quyết định số 3672/QĐ-BQP ngày 24/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc Quy hoạch hệ thống thiết chế văn hóa trong Quân đội nhân dân Việt Nam giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Quản lý chặt chẽ các hoạt động văn hóa, văn học, nghệ thuật, báo chí, bảo tàng quân đội; động viên, cổ vũ và

phát huy mọi tiềm năng, sức mạnh tinh thần, trí tuệ của cán bộ, chiến sĩ, văn nghệ sĩ, các tổ chức quần chúng: Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Công đoàn quốc phòng, Hội đồng quân nhân trong xây dựng môi trường văn hóa quân sự lành mạnh ở đơn vị. Các cơ quan, đơn vị, nhất là các đơn vị văn hóa nghệ thuật toàn quân cần đẩy mạnh nghiên cứu sự cần thiết, mục tiêu, yêu cầu, nội dung, phương thức xây dựng quân đội tinh, gọn, mạnh để sáng tạo nhiều tác phẩm văn hóa nghệ thuật có giá trị, góp phần tôn vinh và tiếp tục lan tỏa hình ảnh, phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ” trong tình hình mới.

Chủ động đấu tranh ngăn ngừa các sản phẩm văn hóa xấu, độc xâm nhập vào cơ quan, đơn vị. Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan văn hóa, thiết chế văn hóa của Bộ Quốc phòng, Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các ban, bộ, ngành, địa phương để phát huy giá trị văn hóa “Bộ đội Cụ Hồ” trong thời kỳ mới. Chú trọng tôn tạo, xây dựng và đưa vào sử dụng Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam; nâng cao chất lượng, hiệu quả sử dụng Phòng Hồ Chí Minh, các di tích văn hóa dân tộc gắn với tuyên

truyền, giáo dục lịch sử truyền thống đơn vị để nâng cao ý thức văn hóa cho bộ đội, nhất là thế hệ quân nhân trẻ, sinh ra và lớn lên trong thời bình; góp phần giữ gìn, phát huy giá trị văn hóa “Bộ đội Cụ Hồ” thời kỳ mới.

*Bốn là, đẩy mạnh đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, các luận điệu xuyên tạc giá trị văn hóa “Bộ đội Cụ Hồ”, ngăn ngừa các sản phẩm văn hóa xấu, độc xâm nhập vào các cơ quan, đơn vị; bảo vệ vững chắc trận địa tư tưởng - văn hóa của Đảng trong Quân đội*

Đẩy mạnh nghiên cứu dự báo, đánh giá đúng diễn biến tình hình, sự biến dạng của các âm mưu, thủ đoạn, hoạt động “diễn biến hòa bình” trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa và hiệu quả đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, các luận điệu xuyên tạc giá trị văn hóa “Bộ đội Cụ Hồ”. Nghiên cứu đề xuất các biện pháp đấu tranh, chủ động phòng ngừa từ sớm, từ xa âm mưu, thủ đoạn chống phá, tuyệt đối không để xảy ra hiện tượng lợi dụng các tác phẩm báo chí, văn hóa, văn học, nghệ thuật để xuyên tạc bản chất quá trình xây dựng quân đội tinh, gọn, mạnh. Đẩy mạnh công tác giáo

dục, tuyên truyền, làm cho cán bộ, chiến sĩ hiểu rõ bản chất, âm mưu, thủ đoạn xuyên tạc giá trị văn hóa “Bộ đội Cụ Hồ” của các thế lực thù địch. Cùng với việc trang bị các tri thức về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, cần chủ động trang bị khối kiến thức cơ bản về lịch sử, truyền thống của dân tộc, của Quân đội và các giá trị, chuẩn mực đạo đức cách mạng và thang giá trị đạo đức về “chân, thiện, mỹ”...

Kết hợp chặt chẽ giữa “xây” và “chống” trong phát huy giá trị văn hóa “Bộ đội Cụ Hồ”; lấy “xây” là cơ bản trong hoạt động phát huy, “chống” phải quyết liệt, hiệu quả. Kiên quyết đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, không chỉ trên báo chí, tác phẩm văn hóa, văn học, nghệ thuật, trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quân đội, tuyệt đối không để bị động, bất ngờ.

Tập trung xây dựng, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ nòng cốt đấu tranh trên mặt trận tư tưởng, văn hóa, nghệ thuật. Phát huy vai trò của đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, nhà báo, nhà giáo, các văn nghệ sĩ trong phát huy giá trị văn hóa “Bộ đội Cụ Hồ”.

Phát hiện sớm và có biện pháp đấu tranh phòng, chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống làm phương hại đến phẩm chất cao đẹp và giá trị văn hóa “Bộ đội Cụ Hồ”. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, phát hiện những cơ quan, đơn vị trong phát huy tốt giá trị văn hóa “Bộ đội Cụ Hồ” và kịp thời chấn chỉnh những đơn vị, quân nhân nhận thức lệch lạc, thiếu trách nhiệm trong xây dựng môi trường văn hóa quân sự, phát huy giá trị văn hóa “Bộ đội Cụ Hồ” thời kỳ mới.

Giá trị văn hóa “Bộ đội Cụ Hồ” thời kỳ mới là kết quả của quá trình gần 80 năm xây dựng, chiến đấu, chiến thắng và trưởng thành của Quân đội ta. Phát huy giá trị văn hóa “Bộ đội Cụ Hồ” thời kỳ mới đã trở thành nếp sống, nếp nghĩ, lẽ sống,

hành động của mỗi cán bộ, chiến sĩ Quân đội và Nhân dân ta. Đó là niềm vinh dự, tự hào và là trách nhiệm của mỗi cán bộ, chiến sĩ. Vì vậy, chủ động nghiên cứu tiếp thu, kế thừa, tiếp tục xây đắp phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ” cho cán bộ, chiến sĩ và nhân dân; làm cho giá trị văn hóa “Bộ đội Cụ Hồ” không ngừng tỏa sáng trong xây dựng Quân đội tinh, gọn, mạnh, tạo tiền đề vững chắc, phấn đấu từ năm 2030 xây dựng Quân đội hiện đại, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; làm cho Quân đội ta luôn là lực lượng chính trị tin cậy, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và Nhân dân; mãi mãi xứng đáng với danh hiệu cao quý “Bộ đội Cụ Hồ” - Bộ đội của Nhân dân ■

<sup>1</sup> Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội 2022, tr.157.

<sup>2</sup> Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.14, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.435.

<sup>3</sup> Tổng cục Chính trị: *Tài liệu nghiên cứu, học tập, quán triệt Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Quân đội lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025*, Sđd, tr.68.

# PHÁT TRIỂN TÀI CHÍNH XANH TỪ GÓC NHÌN CỦA TÀI CHÍNH CÁ NHÂN

● TS LÊ MINH NGHĨA

*Chủ tịch Hiệp hội Tư vấn Tài chính Việt Nam*

Sau 38 năm thực hiện Đổi mới, đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Năm 2023, GDP của cả nước ước tính tăng 5,05% so với năm trước, quy mô nền kinh tế theo giá hiện hành ước đạt 10.221,8 nghìn tỷ đồng, tương đương 430 tỷ USD<sup>1</sup>, đưa Việt Nam trở thành nền kinh tế lớn thứ 35 trên thế giới<sup>2</sup>. Năm 2024, theo IMF, GDP của Việt Nam tăng khoảng 5,8% và nằm trong nhóm 20 nền kinh tế tăng trưởng cao nhất toàn cầu<sup>3</sup>.

Tuy nhiên, tài nguyên thiên nhiên vẫn đóng vai trò quan trọng trong mô hình tăng trưởng kinh tế ở nước ta, trong khi đó, hiệu quả sử dụng tài nguyên môi trường hiện đang còn rất thấp. Giai đoạn 1990 - 2014, vốn tài nguyên ước tính chiếm khoảng một phần ba tổng tài sản của Việt Nam, so với 10% ở khu vực Đông Á và 17% ở

các quốc gia thu nhập trung bình cao<sup>4</sup>. Từng là quốc gia có lượng phát thải khí nhà kính (GHG) rất thấp, nhưng trong 2 thập kỷ qua, tốc độ tăng phát thải của Việt Nam xếp vào hàng nhanh nhất thế giới. Việt Nam cũng được đánh giá là một trong số những quốc gia dễ bị tổn thương nhất bởi biến đổi khí hậu (đứng thứ 13 trong số 180 nước theo Chỉ số Rủi ro Khí hậu Toàn cầu Germanwatch giai đoạn 2000 - 2019 và xếp hạng 127 trong 182 quốc gia theo Sáng kiến Thích ứng Biến đổi khí hậu toàn cầu Notre Dame (ND-GAIN)). Thực trạng này đang đe dọa trực tiếp những thành tựu to lớn mà Đảng, Nhà nước, Chính phủ và toàn dân ta đã nỗ lực phấn đấu để đạt được. Theo ước tính của Ngân hàng thế giới, Việt Nam thiệt hại khoảng 10 tỷ USD vào năm 2020, tương đương 3,2% GDP do các tác động của khí hậu, tổng

chi phí kinh tế do biến đổi khí hậu gây ra có thể lên tới 523 tỷ USD vào năm 2050<sup>5</sup>. Ước tính, thiệt hại kinh tế hàng năm khi nhiệt độ tăng lên 1°C (so với nhiệt độ thời kỳ tiền công nghiệp) lên tới khoảng 1,8% GDP. Mức độ thiệt hại có thể tăng lên 4,5% GDP khi nhiệt độ tăng 1,5°C, 6,7% GDP khi nhiệt độ tăng 2°C và lên tới 10,8% GDP khi nhiệt độ tăng 3°C<sup>6</sup>.

Trong bối cảnh đó, tăng trưởng xanh đã trở thành lựa chọn tất yếu để Việt Nam đi đến mục tiêu phát triển bền vững. Tại Hội nghị thượng đỉnh về biến đổi khí hậu của Liên hiệp quốc tại Glasgow tháng 11 năm 2021 (COP26), Thủ tướng chính phủ Việt Nam đã khẳng định “ứng phó với biến đổi khí hậu, phục hồi tự nhiên phải trở thành ưu tiên cao nhất trong mọi quyết sách phát triển, là tiêu chuẩn đạo đức cao nhất của mọi cấp, mọi ngành, mọi doanh nghiệp và mọi người dân”<sup>7</sup>. Cũng tại Hội nghị này, Việt Nam đã đưa ra một số cam kết mạnh mẽ như: đạt phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050; chấm dứt nạn chặt phá rừng và giảm 30% phát thải khí mê-tan so với năm 2020 vào năm 2030; chấm dứt mọi hoạt động đầu tư

vào sản xuất nhiệt điện than mới, mở rộng quy mô triển khai năng lượng tái tạo... Tại COP 27, Việt Nam tiếp tục khẳng định “Cam kết đi đôi với hành động” trong cuộc chiến chống biến đổi khí hậu<sup>8</sup>.

Những cam kết của Việt Nam đã và đang được triển khai mạnh mẽ, với nhiều giải pháp đồng bộ trên nhiều lĩnh vực, cùng sự tham gia tích cực của nhiều bộ ban ngành, các cơ quan quản lý nhà nước, hệ thống các tổ chức, doanh nghiệp trong cả nước. Trên cơ sở đó, đã đạt được những thành tích tích cực. Tuy nhiên, cũng vẫn còn có những điểm hạn chế nhất định, mà một trong số đó là vai trò của khu vực cá nhân/hộ gia đình, cụ thể là tài chính cá nhân, chưa được phát huy một cách đầy đủ. Những phân tích dưới đây nhằm làm rõ vấn đề này và đưa ra một số khuyến nghị để nâng cao vai trò của khu vực cá nhân/hộ gia đình trong công cuộc thúc đẩy tăng trưởng xanh của đất nước.

**1. Phát triển kinh tế xanh là một hành động mang tính tập thể, đòi hỏi sự tham gia của tất cả các bên trong nền kinh tế, trong đó không thể bỏ qua vai trò của cá nhân/hộ gia đình**





*Tài chính xanh đóng vai trò quan trọng, góp phần giúp Việt Nam đạt được mục tiêu phát triển bền vững \_ Ảnh: MH*

Ngày 1/10/2021 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1658/QĐ-TTg Phê duyệt chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050, trong đó khẳng định: “**Tăng trưởng xanh là sự nghiệp của cả hệ thống chính trị, toàn dân**, cộng đồng doanh nghiệp và các cơ quan, tổ chức liên quan, được thúc đẩy bằng tinh thần đổi mới sáng tạo và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, bền vững”. “Tăng trưởng xanh lấy con người làm trung tâm, giúp giảm thiểu tính dễ bị

tổn thương của con người trước biến đổi khí hậu; **khuyến khích lối sống có trách nhiệm của từng cá nhân** đối với cộng đồng và xã hội, định hướng thể hệ tương lai về văn hóa sống xanh, hình thành xã hội văn minh, hiện đại hài hòa với thiên nhiên và môi trường”. Như vậy, tăng trưởng xanh không chỉ được xác định là mô hình tăng trưởng tất yếu cần vươn tới, mà Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh còn khẳng định: tham gia vào thúc đẩy nền kinh tế chuyển dịch sang hướng xanh cần có vai trò của tất cả

các thành phần trong nền kinh tế, trong đó, không thể bỏ qua vai trò của cá nhân/hộ gia đình.

Tuy nhiên, tại Quyết định số 1658 như đã nêu trên và Quyết định số 882/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 phê duyệt kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 – 2030, có thể thấy vai trò của cá nhân/ hộ gia đình tham gia vào tiến trình tăng trưởng xanh của đất nước vẫn còn khá mờ nhạt. Hầu hết các giải pháp mới chỉ nhìn nhận cá nhân/hộ gia đình trong vai trò của người thụ hưởng và tiêu dùng. Cụ thể như:

- Tại phần giải pháp được đề ra tại Quyết định 1658, người dân chỉ được đề cập đến tại khoản g, điểm 2 về “bình đẳng trong chuyển đổi xanh”, trong đó “đảm bảo các nhóm đối tượng khác nhau, đặc biệt là các chủ thể chịu ảnh hưởng khi cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, các nhóm yếu thế được tiếp cận bình đẳng các cơ hội, thông tin, kết cấu hạ tầng kỹ thuật, dịch vụ xã hội cơ bản, phù hợp với các lĩnh vực, việc làm mới trong quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế xanh”.

- Tại các nhóm nhiệm vụ, hành động cụ thể được quy định tại Quyết định 882, người dân xuất hiện trong vai trò là đối tượng thụ hưởng của các chương trình truyền thông về các chuẩn mực, giá trị văn hóa sống xanh; đối tượng của các chính sách ưu đãi, hỗ trợ để phát triển nguồn nhân lực và tiếp cận các nguồn lực trong quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế xanh. Vai trò của người dân cũng được đề cập trong việc chuyển đổi hành vi tiêu dùng ở các lĩnh vực như: giao thông (chuyển đổi sang phương tiện giao thông công cộng và phương tiện giao thông vận tải sử dụng năng lượng sạch); quản lý chất thải, thu gom, phân loại tại nguồn, tái sử dụng và tái chế chất thải rắn sinh hoạt; chăm sóc sức khỏe cộng đồng, xử lý nước sạch.

Nhìn chung, trong khi tăng trưởng xanh được xác định là sự nghiệp của toàn dân, phát triển kinh tế xanh cần được xem là một hành động tập thể, đòi hỏi sự tham gia của tất cả các bên trong nền kinh tế; tuy nhiên, trong thực tế vai trò của người dân bao gồm cá nhân/hộ gia đình trong các giải pháp về tăng trưởng xanh ở Việt Nam hiện nay chưa được xem xét một cách

đầy đủ. Điều này sẽ làm hạn chế khả năng huy động sức mạnh toàn dân trong công cuộc chuyển đổi kinh tế đất nước theo hướng xanh và bền vững.

## 2. Vai trò của tài chính cá nhân trong phát triển tài chính xanh

Hiện nay chưa có một khái niệm được công nhận chính thức về tài chính xanh. Một số quan điểm tiếp cận tài chính xanh ở góc độ tài trợ tài chính (green financing). Theo Höhne và đồng sự (2012): Tài chính xanh là một khái niệm rộng lớn bao gồm đầu tư tài chính cho các dự án và sáng kiến phát triển bền vững, các sản phẩm môi trường và các chính sách khuyến khích phát triển bền vững. Một số quan điểm lại tiếp cận tài chính xanh ở góc độ xanh hóa hệ thống tài chính (greening finance). Theo Böhnke và đồng sự (2014): Tài chính xanh bao gồm tất cả các dạng đầu tư hay cho vay có tính tới tác động môi trường. Yếu tố chính của tài chính xanh là đầu tư bền vững và ngân hàng xanh - nơi

quyết định đầu tư và cho vay được thực hiện dựa trên cơ sở các sàng lọc và đánh giá rủi ro theo các tiêu chuẩn môi trường bền vững<sup>10</sup>. Theo Bethlendi và Póra (2021), một cách chung nhất, theo có thể hiểu “tài chính xanh

**Theo Höhne và đồng sự (2012): Tài chính xanh là một khái niệm rộng lớn bao gồm đầu tư tài chính cho các dự án và sáng kiến phát triển bền vững, các sản phẩm môi trường và các chính sách khuyến khích phát triển bền vững.**

là mong muốn kết hợp thế giới tài chính và kinh doanh với mục tiêu bảo vệ môi trường. Trong đó, dịch vụ tài chính xanh bao gồm một số bên tham gia như: người tiêu dùng cá nhân/hộ gia đình, doanh nghiệp, nhà sản xuất, nhà đầu tư và ngân hàng)<sup>11</sup>.

Tài chính cá nhân đóng góp vào bức tranh chung của tăng trưởng xanh và tài chính xanh trên nhiều góc độ:

**- Thứ nhất, tài chính cá nhân chịu ảnh hưởng đáng kể do những tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu và do vậy, tạo ra cầu đối với các sản phẩm tài chính xanh cho khu vực cá nhân/hộ gia đình**

Thiên tai, lũ lụt có thể gây ra những cú sốc lớn đối với tài chính hộ gia đình, làm thiệt hại tài sản và gia tăng

chi phí sửa chữa (ví dụ như nhà ở, phương tiện đi lại...), công việc bị gián đoạn và thu nhập giảm sút. Bảng cân đối tài sản của các cá nhân/hộ gia đình cũng có thể bị suy yếu do tài sản bị mất giá sau thiên tai. Năm 2016, nghiên cứu của Ortega và Taspinar chỉ ra rằng giá nhà ở các khu dân cư ngập lụt ở New York đã giảm gần 20% sau cơn bão Sandy, và trong hơn 3 năm sau đó, những ngôi nhà ở các khu vực lân cận vẫn được định giá thấp hơn khoảng 10% so với các vùng khác<sup>12</sup>. Nghiên cứu của Issler, Stanton, Vergarra - Alert và Wallace (2020) đã tìm thấy sự gia tăng đáng kể về tình trạng nợ quá hạn và bị tịch thu tài sản của người dân sau hỏa hoạn cháy rừng ở California năm 2000<sup>13</sup>. Nghiên cứu Billings, Gallagher và Ricketts (2021) cũng phát hiện ra rằng lũ lụt nặng nề sau cơn bão Harvey đã làm tăng tỷ lệ phá sản của các hộ gia đình lên khoảng 1,4 điểm phần trăm<sup>14</sup>. Ratcliffe, Congdon, Teles, Satnczyk và Martin (2020) cho rằng những sự kiện thiên tai quy mô trung bình có thể dẫn đến điểm tín dụng của các hộ gia đình sụt giảm (đồng nghĩa với việc các hộ gia đình có ít khả năng vay nợ hơn trong tương lai)<sup>15</sup>.

Hệ thống tài chính xanh vì vậy cũng cần phát triển những công cụ để hỗ trợ các cá nhân/hộ gia đình quản lý tài chính hiệu quả hơn trước những tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu. Ví dụ như các sản phẩm bảo hiểm thiên tai cho các hộ gia đình sẽ cần được đẩy mạnh. Các mô hình quản lý và hoạch định tài chính cá nhân sẽ cần bổ sung các biến số do tác động của thiên tai và biến đổi khí hậu để giúp các cá nhân/hộ gia đình xây dựng được các kế hoạch tài chính toàn diện hơn, nhằm bao trùm các rủi ro này.

***- Thứ hai, các cá nhân và hộ gia đình cũng có thể tham gia đóng góp vào nguồn cung tài chính xanh bằng các sản phẩm tài chính như tiết kiệm và đầu tư xanh***

Vốn đầu tư đóng một vai trò đặc biệt quan trọng để thúc đẩy nền kinh tế chuyển đổi theo hướng xanh. Theo thống kê của CPI (2021) tổng quy mô tài chính khí hậu toàn cầu năm 2019 đã đạt 632 tỷ USD, trong đó, quy mô vốn được cung cấp từ hệ thống các định chế tài chính thương mại (bao gồm ngân hàng và các trung gian tài chính khác) là 122 tỷ USD (chiếm 19,3%)<sup>16</sup>. Nhà đầu tư cá nhân cũng có

thể tham gia vào cung cấp vốn đầu tư xanh thông qua các sản phẩm tài chính như tiết kiệm xanh, cổ phiếu và trái phiếu xanh:

Tiết kiệm xanh là một loại tiền gửi tiết kiệm được thiết kế dành cho những người muốn tiền gửi của họ được sử dụng để hỗ trợ các dự án bền vững và bảo vệ môi trường. Cơ chế của tiền gửi tiết kiệm xanh gần tương tự như tiền gửi tiết kiệm truyền thống. Khi khách hàng chọn sản phẩm tiền gửi tiết kiệm xanh, các ngân hàng sẽ đảm bảo rằng các khoản tiền gửi này được sử dụng để tài trợ cho các dự án đáp ứng các tiêu chuẩn xanh, thông qua các cơ chế báo cáo và minh bạch thông tin. Nhiều ngân hàng đã cung cấp các sản phẩm tiết kiệm xanh với lãi suất cao hơn và kỳ hạn dài hơn để huy động nguồn vốn dài hạn tài trợ cho các dự án xanh<sup>17</sup>.

Trái phiếu xanh là loại trái phiếu được phát hành với mục đích huy động vốn để tài trợ cho các dự án thân thiện với môi trường và giảm thiểu phát thải khí nhà kính. Các dự án đủ điều kiện phát hành trái phiếu xanh thường liên quan đến năng lượng tái tạo, tiết kiệm năng lượng, xử lý chất

thải, giao thông xanh... Trái phiếu xanh khác với trái phiếu thông thường ở các quy định sử dụng vốn vào các lĩnh vực xanh và tính minh bạch của tổ chức phát hành. Những quy tắc này đòi hỏi nhà phát hành tuân thủ các quy định báo cáo để giúp nhà đầu tư nhận biết liệu trái phiếu có thực sự xanh hay không<sup>18</sup>. Thông qua việc đầu tư vào trái phiếu xanh, nhà đầu tư cá nhân vừa nhận được lợi tức trái phiếu, vừa đáp ứng các nhu cầu về đạo đức nhằm hướng đến các nghĩa vụ đối với xã hội và môi trường.

Cổ phiếu xanh được phát hành bởi các công ty tập trung vào các sản phẩm, dịch vụ hoặc công nghệ thân thiện với môi trường, giảm phát thải carbon, hướng tới mục tiêu đóng góp cho một tương lai bền vững hơn. Tương tự như trái phiếu xanh, việc đầu tư vào cổ phiếu xanh cũng giúp các nhà đầu tư vừa thực hiện mục tiêu đầu tư của cá nhân, vừa tiến tới các nghĩa vụ đối với môi trường và xã hội.

Ngoài ra, các nhà đầu tư cá nhân cũng có thể tham gia vào các quỹ đầu tư xanh, là quỹ đầu tư chuyên huy động vốn từ các nhà đầu tư tổ chức và cá nhân để đầu tư vào các doanh

ngành, dự án thân thiện với môi trường. Các quỹ này đóng vai trò quan trọng trong việc phân bổ nguồn vốn hiệu quả, hỗ trợ doanh nghiệp xanh phát triển.

*- Thứ ba, các cá nhân và hộ gia đình tác động gián tiếp đối với cung và cầu tài chính xanh thông qua tiêu dùng xanh.*

Tiêu dùng xanh được hiểu là việc mua và sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường, không gây hại cho sức khỏe con người và không đe dọa đến hệ sinh thái tự nhiên. Các sản phẩm xanh được sản xuất từ các nguyên liệu thiên nhiên, sản phẩm hữu cơ hoặc hành phần đơn giản, ít gây hại đến môi trường. Các sản phẩm xanh cũng được sản xuất từ những quy trình sản xuất thân thiện với môi trường, không chứa hóa chất độc hại, ít phải thải carbon. Việc xanh hóa tiêu dùng với tiềm năng phát triển ngày càng lớn, sẽ thúc đẩy các doanh nghiệp tham gia vào thị trường xanh nhiều hơn. Có thể nói rằng tiêu dùng xanh chính là động lực cốt lõi để thúc đẩy một nền kinh tế xanh nói chung, và tài chính xanh nói riêng ngày càng phát triển.

Tuy vậy, phần lớn các nghiên cứu hiện tại cũng chứng minh rằng các sản phẩm xanh đắt hơn các sản phẩm thông thường, và giá cao có tác động tiêu cực đến ý định mua hàng của người tiêu dùng. Người tiêu dùng có thể sẵn sàng trả một khoản phụ phí nhỏ cho những sản phẩm thân thiện với môi trường, nhưng mức chênh lệch giá tối đa có thể chấp nhận chỉ là 5 - 10%<sup>19</sup>. Nhìn chung, nếu có không chính sách trợ cấp giá phù hợp, người tiêu dùng sẽ ít có động lực để đóng vai trò tích cực hơn trong việc bảo vệ môi trường.

### **3. Các giải pháp thúc đẩy cá nhân/hộ gia đình lựa chọn xanh và khuyến nghị cho Việt Nam**

Khẳng định vai trò quan trọng của tài chính cá nhân trong thúc đẩy tài chính xanh cả ở phía cung và cầu, trực tiếp và gián tiếp, từ đó cho thấy các chính sách về tăng trưởng xanh nói chung và tài chính xanh nói riêng sẽ không thể bỏ qua khu vực này.

Nhìn chung, trong các quyết định tài chính của người dân hiện nay, khía cạnh kinh tế (giá cả, rủi ro, lợi nhuận, tính minh bạch của sản phẩm) vẫn quan trọng hơn nhiều so với khía cạnh sinh thái<sup>20</sup>. Cân nhắc về “xanh” là quan



trọng, nhưng đây không phải là cân nhắc quan trọng nhất đối với họ, bởi những rào cản về năng lực tài chính và thu nhập. Bởi vậy, giáo dục vẫn đóng vai trò quan trọng hàng đầu, nhưng giáo dục về “xanh” sẽ không thể tách rời giáo dục về tài chính. Việc nâng cao đồng thời kiến thức về bảo vệ môi trường, ý thức xã hội, gắn liền với các kỹ năng về quản lý tài chính cá nhân, sẽ giúp cho người dân biết cách tiêu dùng và đầu tư xanh một cách hiệu quả.

Bên cạnh đó, cũng cần phát triển một thị trường tài chính xanh hướng tới khu vực cá nhân/hộ gia đình nhiều hơn. Các sản phẩm tài chính như tiết kiệm xanh, chứng khoán xanh, các quỹ đầu tư xanh cần được thúc đẩy phát triển, để mọi người dân có thể tiếp cận dễ dàng. Các tiêu chuẩn về quản lý, giám sát và minh bạch thông tin cũng sẽ cần được đẩy mạnh để mọi người dân có thể đảm bảo rằng các sản phẩm tài chính mà họ đầu tư thực sự là sản phẩm tài chính xanh.

Trên cơ sở những phân tích ở trên, một số khuyến nghị để góp phần thúc đẩy tăng trưởng xanh tại Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, từ góc nhìn của tài chính cá nhân bao gồm:

- Tăng cường các chương trình giáo dục tài chính gắn liền với giáo dục về biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường, tăng trưởng xanh và tăng trưởng bền vững. Xây dựng hệ thống các chuẩn mực, giá trị văn hóa sống xanh, lối sống xanh, gắn liền với nâng cao năng lực về quản lý tài chính cá nhân, thông qua đó, gia tăng “khả năng sống xanh” một cách thực sự cho mọi người dân trong nền kinh tế. Các chương trình truyền thông cùng với sự tham gia của các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm, dịch vụ xanh, chia sẻ các kỹ năng tiêu dùng xanh với chi phí phù hợp, giá cả ưu đãi, sẽ giúp cho nhiều người dân có thể tiếp cận lối sống xanh. Trong đó, các tổ chức, hiệp hội bảo vệ người tiêu dùng sẽ là cầu nối hữu ích.

- Đối với tài chính xanh, bên cạnh việc chú trọng huy động các nguồn lực từ khu vực tài chính công, tài chính doanh nghiệp và tài chính quốc tế như các giải pháp đã đặt ra tại Quyết định số 1658 và Quyết định số 882 đã đặt ra, thì cũng cần có các giải pháp để thu hút nguồn tài chính từ khu vực cá nhân/hộ gia đình, thông qua: khuyến khích các ngân hàng thương mại phát triển các sản phẩm tiết kiệm xanh; tiếp

tục thúc đẩy phát triển thị trường trái phiếu xanh, cổ phiếu xanh, gắn liền với việc tuyên truyền rộng rãi để các nhà đầu tư cá nhân hiểu và tích cực tham gia đầu tư vào các sản phẩm này. Việc thiết kế các sản phẩm tài chính xanh cũng cần được phát triển theo hướng gắn gũi, thân thiện và phù hợp hơn với hiểu biết cũng như thị hiếu của nhà đầu tư cá nhân. Đồng thời, cần có các chương trình truyền thông để giúp các nhà đầu tư cá nhân hiểu rằng, đầu tư vào các sản phẩm tài chính xanh cũng chính là cách giúp

cho tài sản đầu tư của họ trở nên an toàn, bền vững hơn trong dài hạn trước những tác động ngày càng tiêu cực của biến đổi khí hậu.

- Để tạo dựng niềm tin cho các nhà đầu tư, cũng như toàn xã hội, các cơ chế giám sát và minh bạch hóa thông tin đóng vai trò đặc biệt quan trọng. Việc yêu cầu các doanh nghiệp và tổ chức xây dựng và phát hành báo cáo ESG (Environmental, Social & Governance Report) cần được triển khai rộng rãi và từng bước chuẩn hóa theo các thông lệ tốt nhất ■

<sup>1</sup> <https://baochinhphu.vn/gdp-nam-2023-uoc-tinh-tang-505-102231229092747624.htm>

<sup>2</sup> <https://tuoitre.vn/quy-mo-kinh-te-viet-nam-thu-35-the-gioi-con-co-the-lam-tot-hon-20240330225612974.htm>.

<sup>3</sup> <https://vneconomy.vn/nam-2024-kinh-te-viet-nam-se-phuc-hoi-manh-me.htm>

<sup>4</sup> <https://quochoi.vn/UserControls/Publishing/News/BinhLuan/pFormPrint.aspx?Url-ListProcess=/content/tintuc/ Lists/ News&ItemID=80290>.

<sup>5</sup> <https://www.worldbank.org/vi/news/press-release/2022/07/01/new-world-bank-group-report-proposes-path-for-vietnam-to-address-climate-risks-while-sustaining-robust-economic-growth>.

<sup>6</sup> WB (2022): *Việt Nam Báo cáo quốc gia về khí hậu và phát triển*.

<sup>7</sup> <https://nhandan.vn/ung-pho-voi-bien-doi-khi-hau-phuc-hoi-tu-nhien-phai-tro-thanh-uu-tien-cao-nhat-post672097.html>.

<sup>8</sup> <https://www.vietnamplus.vn/viet-nam-cam-ket-di-doi-voi-hanh-dong-tai-hoi-nghi->

cop-27-post832285.vnp

<sup>9</sup> Höhne, B. N., Khosla, S., Fekete, H., & Gilbert, A. (2012). Mapping of Green Finance Delivered by IDFC Members in 2011. 26.

<sup>10</sup> Böhnke / Eidt / Knierim / Richert / Röber / Volz (forthcoming): How to Make Green Finance Work - Empirical Evidence from Bank and Company Surveys, German Development Institute / Deutsches Institut für Entwicklungspolitik (DIE).

<sup>11</sup> Bethlendi và Póra (2021), Household green finances: demand in focus, Public Finance Quaterly – September 2021, DOI: 10.35551/PFQ\_2021\_3\_1

<sup>12</sup> Ortega, F., & Taspinar, S. (2016). Rising Sea Levels and Sinking Property Values: The Effects of Hurricane Sandy on New York's Housing Market (Issue 10374). <https://doi.org/10.2139/ssrn.3074762>.

<sup>13</sup> Issler, P., R. Stanton, C. Vergara-Alert, and N. Wallace. 2020. "Mortgage Markets with ClimateChange Risk: Evidence from Wildfires in California." University of California, Berkeley, Working Paper

<sup>14</sup> Billings, S. B., E. Gallagher, and L. Ricketts. 2021. "Let the Rich Be Flooded: The Distribution of Financial Aid and Distress after Hurricane Harvey." University of Colorado Boulder Working Paper.

<sup>15</sup> Ratcliffe, C., W. Congdon, D. Teles, A. Stanczyk, and C. Martin. 2020. "From Bad to Worse: Natural Disasters and Financial Health." *Journal of Housing Research* 29(sup1): S25-S53.

<sup>16</sup> CPI (2021), Global landscape of Climate Finance 2021.

<sup>17</sup> <https://www.axisbank.com/progress-with-us-articles/money-matters/save-invest/what-is-green-deposit>.

<sup>18</sup> Lauri Kivikoski, Robert Sandberg (2019), Individual investors' preferences regarding green bonds,

<sup>19</sup> Bethlendi và Póra (2021), Household green finances: demand in focus, Public Finance Quaterly - September 2021, DOI: 10.35551/PFQ\_2021\_3\_1.

<sup>20</sup> Röstel, D. (2019). How safe are sustainable investments? BaFin survey. online: [https://www.bafin.de/sharedDocs/Veroeffentlichungen/EN/Fachartikel/2019/fa\\_bj\\_19\\_06\\_nachhaltige\\_Geldanlage\\_en.html](https://www.bafin.de/sharedDocs/Veroeffentlichungen/EN/Fachartikel/2019/fa_bj_19_06_nachhaltige_Geldanlage_en.html), Downloaded: 25 June 2021.